

## THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG (SAIGONBANK)

*Giấy CNĐKKD số 0300610408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp  
lần đầu ngày 04/08/1993, thay đổi lần thứ 29 ngày 22/06/2018.*



**SAIGONBANK**

Địa chỉ: 2C Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3.9.143.183 - Fax: (028) 3.9.143.193

Website: [www.saigonbank.com.vn/](http://www.saigonbank.com.vn/)

#### Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Võ Thị Nguyệt Minh  
Số điện thoại: (028) 3.9.143.183

Chức Vụ: Phó Tổng Giám Đốc  
Fax: (028) 3.9.143.193

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>GIẢI THÍCH CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>4</b>
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....</b>	<b>6</b>
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
1.1	Giới thiệu chung về công ty đại chúng .....	6
1.2	Giới thiệu về chứng khoán giao dịch .....	7
1.3	Quá trình hình thành và phát triển .....	9
1.4	Quá trình tăng vốn điều lệ.....	13
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng.....	15
2.1	Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng .....	16
2.2	Cơ cấu bộ máy điều hành của Ngân hàng.....	16
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông. ....	26
3.1	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2020 .....	26
3.2	Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại 31/05/2020 .....	26
3.3	Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/05/2020.....	26
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng. ....	27
4.1	Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng. ....	27
4.2	Các công ty con của Ngân hàng.....	27
4.3	Các công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	28
5.	Hoạt động kinh doanh.....	28
5.1	Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng .....	28
5.2	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn.....	35
5.3	Thị trường hoạt động .....	35
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất .....	40
6.1	Kết quả hoạt động kinh doanh của SAIGONBANK .....	40
6.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo tài chính 2019 .....	42
7.	Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành.....	43

7.1	Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng: .....	43
7.2	Lợi thế của SAIGONBANK .....	45
7.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng: .....	46
8.	Chính sách đối với người lao động .....	47
8.1	Số lượng người lao động trong Ngân hàng: .....	47
8.2	Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác.....	48
9.	Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức .....	50
10.	Tình hình tài chính .....	50
10.1	Nguyên tắc hạch toán kế toán: .....	50
10.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	53
11.	Tài sản.....	54
11.1	Tài sản cố định hữu hình.....	54
11.2	Tài sản cố định vô hình.....	55
12.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	56
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Ngân hàng.....	58
14.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh. ....	58
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng .....	58
<b>III.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.	Danh sách và sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.....	57
1.1	Danh sách Hội đồng Quản trị: .....	57
1.2	Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.....	64
1.3	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.....	69
1.4	Kế toán trưởng .....	72
1.5	Kế hoạch tăng cường quản trị SAIGONBANK. ....	73
<b>IV.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....</b>	<b>76</b>
<b>V.</b>	<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>77</b>

## DANH SÁCH BẢNG BIỂU

1	Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của SAIGONBANK
2	Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng
3	Bảng 03: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/05/2020
4	Bảng 04 : Tình hình nguồn vốn huy động
5	Bảng 05 : Tình hình dư nợ tín dụng
6	Bảng 06 : Cơ cấu nợ theo thời gian cho vay ban đầu
7	Bảng 07 : Cơ cấu nợ theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp
8	Bảng 8: Cơ cấu cho vay theo phân ngành
9	Bảng 9: Chất lượng nợ cho vay
10	Bảng 10: Tình hình doanh số thanh toán quốc tế và thanh toán ngoại tệ
11	Bảng 11 : Số lượng thẻ SAIGONBANK đã phát hành
12	Bảng 12 : Doanh số sử dụng thẻ do SAIGONBANK phát hành
13	Bảng 13 : Tình hình góp vốn liên kết, liên doanh tại thời điểm 31/12/2019
14	Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của SAIGONBANK
15	Bảng 15: Bảng so sánh tình hình thực hiện năm 2019 so với kế hoạch 2019 và thực hiện năm 2018
16	Bảng 16: Số lượng lao động phân theo cấp quản lý
17	Bảng 17: Số lượng lao động phân theo trình độ học vấn
18	Bảng 18: Tình hình thu nhập của CBCNV qua các năm
19	Bảng 19 : Tình hình tỷ lệ cổ tức qua các năm
20	Bảng 20 : Tỷ lệ dự phòng theo từng loại nợ
21	Bảng 21 : Khấu hao tài sản cố định
22	Bảng 22: Trích lập các Quỹ
23	Bảng 23: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước
24	Bảng 24 : Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
25	Bảng 25: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2019
26	Bảng 26: Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2019
27	Bảng 27: Tài sản có khác tại thời điểm 31/12/2019
28	Bảng 28: Kế hoạch kinh doanh năm 2020



## I. GIẢI THÍCH CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản thông tin tóm tắt này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Nhóm từ	Giải thích từ ngữ
Ngân hàng	<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0034/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 04/05/1993, sau đây gọi tắt là SAIGONBANK</i>
Nợ quá hạn	<i>Khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn</i>
Nợ khó đòi	<i>Các khoản nợ được hạch toán trên tài khoản nợ khó đòi, bao gồm nợ quá hạn trên 360 ngày, nợ trong hạn và quá hạn đến 360 ngày có cơ sở xác định là không có khả năng thu hồi</i>
Nợ nhóm 1	<i>Còn gọi là Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm: các khoản nợ trong hạn mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn hoặc các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại</i>
Nợ nhóm 2	<i>Còn gọi là Nợ cần chú ý, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><li><i>- Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.</i></li><li><i>- Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.</i></li></ul>
Nợ nhóm 3	<i>Còn gọi là Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><li><i>- Các khoản nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày.</i></li><li><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2.</i></li><li><i>- Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.</i></li></ul>
Nợ nhóm 4	<i>Còn gọi là Nợ nghi ngờ, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><li><i>- Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.</i></li><li><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.</i></li><li><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.</i></li></ul>
Nợ nhóm 5	<i>Còn gọi là Nợ có khả năng mất vốn, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><li><i>- Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.</i></li><li><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.</i></li><li><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai.</i></li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.</li> <li>- Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.</li> </ul>
--	--

**Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản thông tin tóm tắt này có nội dung như sau:**

NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
SAIGONBANK	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
NHTMCP	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần
CP	Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại Hội Đồng Cổ Đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
GD/TGD	Giám đốc/Tổng Giám đốc
KTT	Kế toán trưởng
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
KQKD	Kết quả kinh doanh
TSCĐ	Tài sản cố định
EVS	Earning per share – Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân}$
Bookvalue	Giá trị sổ sách
ROA	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân
ROE	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Đồng Việt Nam
TTQT	Thanh toán quốc tế
ATM	Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
D/A	Document against Acceptance – Nhờ thu trả ngay
D/P	Document against Payment – Nhờ thu trả chậm
GDP	Gross domestic product – Tổng sản phẩm nội địa

L/C	Letter of Credit – Thư tín dụng
P/E	Price per earning - Chỉ số giá trên thu nhập cổ phần.
CAR	Capital Adequacy Ratio – Chỉ số an toàn vốn
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
WTO	World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới

## II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1 Giới thiệu chung về công ty đại chúng

Tên tổ chức : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

Tên giao dịch : SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG

Tên tiếng Anh : SAI GON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

Tên viết tắt : SAIGONBANK

Logo :



Vốn điều lệ đăng ký : 3.080.000.000.000 đồng (*Ba nghìn không trăm tám mươi tỷ đồng*)

Vốn điều lệ thực góp : 3.080.000.000.000 đồng (*Ba nghìn không trăm tám mươi tỷ đồng*)

Trụ sở chính : 2C Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 39.143.183

Fax : (028) 39.143.193

Website : [www.SAIGONBANK.com.vn](http://www.SAIGONBANK.com.vn)

Email : [SAIGONBANK@hcm.vnn.vn](mailto:SAIGONBANK@hcm.vnn.vn)

Giấy CNĐKKD : Giấy CNĐKKD số 0300610408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/08/1993, thay đổi lần thứ 29 ngày 22/06/2018.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Vũ Quang Lâm Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày trở thành : 29/09/2014  
công ty đại chúng

- Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh :

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Hùn vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép;
- Kinh doanh khách sạn và ăn uống;
- Thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ nội địa có thương hiệu SAIGONBANK Card.

**Mạng lưới hoạt động:** Đến tháng 06/2020, mạng lưới hoạt động của SAIGONBANK bao gồm Hội sở, 33 chi nhánh, 55 phòng giao dịch, 01 trung tâm kinh doanh thẻ và 01 công ty con. Các chi nhánh tập trung tại các thành phố lớn của khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

**1.2 Giới thiệu về chứng khoán giao dịch**

Loại chứng khoán	: Cổ phần phổ thông
Mã chứng khoán	: SGB
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	: 308.000.000 cổ phần
Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng:	: 201.010.815 cổ phần, Trong đó: a) Bị hạn chế chuyển nhượng do Luật các Tổ chức tín dụng: ♦ Bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều 56 – Luật các Tổ chức tín dụng “ Điều 56. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 1. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không



được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”.

- **Ông Vũ Quang Lãm: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Số Cổ phần nắm giữ: 107.259.576 cổ phần chiếm 34,825% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 107.259.576 cổ phần trong đó :  
+ Văn Phòng Thành ủy: 56.009.576 cổ phần.  
+ Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận: 51.250.000 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

- **Bà Trần Thị Phương Khanh - Thành viên HĐQT**

Số Cổ phần nắm giữ: 43.370.958 cổ phần chiếm 14,08% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.HCM: 43.370.958 cổ phần.
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

- **Bà Đặng Thị Kiều Phước – Trưởng Ban kiểm soát**

- Cá nhân sở hữu: 10 cổ phần

- **Bà Vũ Quỳnh Mai - Thành viên Ban kiểm soát**

- Cá nhân sở hữu: 15.531 cổ phần chiếm 0,005042% vốn điều lệ

- **Bà Nguyễn Đào Phương Linh - Thành viên Ban kiểm soát**

- Cá nhân sở hữu: 176 cổ phần chiếm 0,0001% vốn điều lệ

❖ Bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều 6, Khoản 1, Điều 29 –Luật các Tổ chức tín dụng:

“Điều 29. Những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận”

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:

	<p><i>đ) Chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại;...”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cty TNHH một thành viên Du lịch TM Kỳ Hòa</b> Số Cổ phần nắm giữ: 50.364.494 cổ phần chiếm 16,35% vốn điều lệ</li> <li>❖ Bị hạn chế chuyển nhượng do Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) phong tỏa:</li> <li>- <b>Hợp Tác Xã Hồng Hà 2</b> Số Cổ phần nắm giữ: 70 cổ phần.</li> </ul>
<p>Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với Nhà đầu tư nước ngoài</p>	<p>: Căn cứ Điều 5 khoản 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam; Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam, giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại SAIGONBANK là 30% vốn điều lệ.</p> <p>Tính đến 31/05/2020, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại SAIGONBANK là 4,997% vốn điều lệ (tương ứng với 15.392.107 cổ phần).</p>

### 1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương (SAIGONBANK) là Ngân hàng TMCP đầu tiên (của Tp. Hồ Chí Minh và cả nước), Điều lệ của SAIGONBANK được ban hành theo quyết định số 64QĐ ngày 03/07/1987 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng Nhà nước với vốn điều lệ ban đầu là 650 triệu đồng và thời gian hoạt động là 50 năm, SAIGONBANK ra đời trước khi có Luật Công ty và Pháp lệnh Ngân hàng.

Hiện nay, SAIGONBANK là pháp nhân hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 0300610408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/08/1993, thay đổi lần thứ 29 ngày 22/06/2018. Vốn điều lệ hiện nay của SAIGONBAN là 3.080 tỷ đồng.

Sự ra đời của SAIGONBANK là một bước đột phá trong chỉ đạo của Thành ủy, Ủy Ban Nhân dân TPHCM về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế,

chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng.

**Giai đoạn 1987 – 1990:** Khởi đầu với số vốn điều lệ ban đầu chỉ có 650 triệu đồng, mục tiêu cơ bản của SAIGONBANK trong giai đoạn này là thu hút tiền gửi với lãi suất thị trường thích hợp và cho các doanh nghiệp (kể cả cho vay với thành phần kinh tế tư nhân) vay tiền mặt đáp ứng yêu cầu phát triển và ổn định tình hình kinh tế - chính trị- xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh. Thực hiện mục tiêu trên, SAIGONBANK đã đạt được một số kết quả nhất định: thu hút được nguồn vốn huy động ngoài lưu thông từ đó nâng cao doanh số cho vay; kết quả kinh doanh đạt mức lợi nhuận tương đối khá theo cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách, bảo tồn vốn cổ đông và có lời.

**Giai đoạn 1991 – 1997:** Giai đoạn này vốn điều lệ của SAIGONBANK đã tăng lên 99,825 tỷ đồng (năm 1995). Điều đáng chú ý trong gian đoạn này là tình trạng đổ vỡ các Hợp tác xã tín dụng, Trung tâm tín dụng tạo ra làn sóng rút tiền và đã ảnh hưởng đến hoạt động của SAIGONBANK. Trước tình hình đó, SAIGONBANK đã nỗ lực đề ra những giải pháp củng cố, phát triển hoạt động với nhiều biện pháp nghiệp vụ đa dạng như: tích cực xử lý tồn tại trước năm 1991; đẩy mạnh huy động vốn và cho vay; kinh doanh vàng và ngoại hối; phát triển hoạt động thanh toán đối ngoại; đầu tư tín phiếu kho bạc,... Những giải pháp trên đã mang lại kết quả khả quan: đưa SAIGONBANK thoát khỏi nguy cơ đổ vỡ; tình hình tài chính được cải thiện; tạo lòng tin trong CBCNV; uy tín SAIGONBANK được củng cố và phát triển cả trong và ngoài nước.

**Giai đoạn 1998 – nay:** Môi trường hoạt động trong giai đoạn này đã chuyển sang giai đoạn hoạt động trong hành lang luật pháp dần được thiết lập với sự ra đời của Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các Tổ chức Tín dụng. Trong bối cảnh nền kinh tế chịu sự ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới, sự phá sản nhiều doanh nghiệp lớn trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và cả nước, với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBCNV, kết hợp những kinh nghiệm được rút ra từ những bài học lớn trong giai đoạn 1991 – 1992, SAIGONBANK đã vượt qua được những thách thức, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

Sau gần 32 năm hoạt động, SAIGONBANK không ngừng tăng vốn điều lệ qua các năm, mạng lưới các chi nhánh cũng được mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Ngoài việc đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng có chất lượng, phù hợp với nhu cầu khách hàng, mở rộng mạng lưới hoạt động... với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, SAIGONBANK còn quan tâm và mở rộng hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các cá nhân, công ty liên doanh và các doanh nghiệp nước ngoài... hoạt động trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.

Trong quá trình hình thành và phát triển, SAIGONBANK đã đạt được những thành tích, danh hiệu cao quý như:

**Về hoạt động chuyên môn:**

- Tạp chí Euromoney bầu chọn SAIGONBANK là ngân hàng tốt nhất tại Việt Nam năm 1996.
- Thống đốc NHNN tặng bằng khen cho tập thể và các cá nhân có thành tích trong 15 năm xây dựng và phát triển SAIGONBANK (10/1987 – 10/2002).

- Bằng khen của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho cán bộ viên chức Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2005.
- Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho 02 cá nhân có thành tích góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ từ năm 2002 đến năm 2004.
- Kỷ niệm chương Vì Sự nghiệp ngân hàng Việt Nam cho 06 cá nhân.
- Bằng khen của Ủy Ban nhân dân TP.HCM tặng tập thể CBCNV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2005 - 2009
- Cờ thi đua của Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng tặng cho tập thể CBCNV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2005.
- Giấy khen của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam cho các cá nhân có nhiều thành tích, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2005.
- Giải thưởng về chất lượng điện thanh toán quốc tế năm 2005 do Ngân hàng American Express, New York, Mỹ trao tặng.
- Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho tập thể Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương do đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2006.
- Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho 02 cá nhân đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua ngành Ngân hàng từ năm 2004 đến năm 2006.
- Bằng khen của ủy ban Nhân dân TP.HCM cho 03 tập thể và 08 cá nhân thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006.
- Cờ thi đua của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam cho tập thể do đã có nhiều thành tích đóng góp xây dựng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
- Giấy khen của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam cho 04 cá nhân đã có thành tích đóng góp xây dựng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
- Giải thưởng về chất lượng điện thanh toán quốc tế năm 2006 do Ngân hàng Wachovia, N.A., New York trao tặng.
- Giải thưởng về chất lượng điện thanh toán quốc tế năm 2006 do Ngân hàng American Express, New York, Mỹ trao tặng.
- Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng.
- Cờ truyền thống của Ủy ban Nhân dân TP.HCM nhân kỷ niệm 20 năm thành lập đơn vị (1987-2007).
- Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua ngành Ngân hàng năm 2007.
- Bằng khen của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do đã có thành tích xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2006-2007.
- Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng năm 2007 cho 03 cá nhân do đã có thành tích xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng từ năm 2005-2007.

**Về hoạt động Chi bộ Đảng:**

- Đảng bộ Khối Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh tặng giấy khen đạt tiêu chuẩn cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền (2000 – 2009).
- Giấy khen của Đảng bộ Khối Ngân hàng TP.HCM cho 02 cá nhân đạt tiêu chuẩn tư cách hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu 02 năm liền (2005-2006).

**Về hoạt động Công đoàn:**

- Cờ thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động Tp. Hồ Chí Minh về thành tích Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc 03 năm liền (2003, 2004, 2005), (2006, 2007, 2008) và năm 2009.
- Liên hiệp Công đoàn Tp. Hồ Chí Minh tặng bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc 05 năm thực hiện chương trình "Vì người nghèo" (2001 – 2005).
- Giấy khen do Liên đoàn Lao động Tp. HCM và Công đoàn ngành trao tặng về thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn.

**Về hoạt động Đoàn Thanh niên:**

- Giấy khen của Thành Đoàn TP.HCM do hoàn thành xuất sắc Tháng thanh niên năm 2006.
- Giấy khen của Đoàn khối Ngân hàng TP.HCM do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị tại cơ sở năm 2006.
- Giấy khen của Đoàn khối Ngân hàng Tp. HCM và Cờ thưởng, Bằng khen của Thành đoàn Tp. HCM về danh hiệu Cơ sở Đoàn xuất sắc 03 năm liền (2003, 2004, 2005) năm 2006 và năm 2007.
- Bằng khen của Thành Đoàn TPHCM khen tặng Tập thể hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn và phong trào Thanh niên Khối Ngân hàng năm 2009

**Các hoạt động khác:**

- Cúp vàng “Vì sự phát triển cộng đồng” năm 2006, năm 2008 ghi nhận thành tích doanh nghiệp vừa làm kinh tế giỏi, vừa quan tâm đến sự phát triển của cộng đồng do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam phối hợp với Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam và Công ty Văn hóa Hà Nội trao tặng.
- Giấy chứng nhận "Thương hiệu SAIGONBANK là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn năm 2006" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng.
- Chứng nhận “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng quốc gia năm 2006” do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Cục sở hữu trí tuệ, Viện Sở hữu trí tuệ, Báo Dân trí điện tử - Hội khuyến học Việt Nam, Mạng Nhãn hiệu Việt phối hợp tổ chức và bình chọn.
- Giải thưởng Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu” lần 2 và Cúp vàng “Doanh nhân tâm tài” lần 1 năm 2007 do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hiệp hội các doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á, Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc Việt Nam, Viện Tư vấn Phát triển Kinh tế Xã hội Nông thôn và Miền núi và Công ty văn hoá Hà Nội trao tặng.
- Giấy khen của Ủy ban Nhân dân huyện Buôn Đôn do đã có thành tích trong công tác phát triển sự nghiệp giáo dục huyện (hỗ trợ xây dựng trường THCS Nguyễn Trường Tộ).
- Cúp “Vì tương lai con em chúng ta” năm 2007 do Bộ Giáo dục và Đào tạo trao tặng do có thành tích đóng góp vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước qua các hoạt động tài trợ cho công tác phát triển giáo dục, đặc biệt là việc tài trợ xây dựng trường THCS Nguyễn Trường Tộ cho con em đồng bào tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đaklak đã góp phần đem ánh sáng văn hóa đến với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo do đã có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo



dục-đào tạo của đất nước.

- Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đak Lak do đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đak Lak.
- Cúp vàng “Vi sự phát triển cộng đồng” lần III và cúp “lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc” lần I năm 2008.
- Chứng nhận của Báo Điện tử Vietnam Net công nhận Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương nằm trong Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2007.
- Giải thưởng trí tuệ năm 2008 do Tạp chí Trí tuệ Việt Nam bình chọn.
- Cúp vàng “Thương hiệu – Nhân hiệu” lần III năm 2008 do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hiệp hội các doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam,
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á, Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc Việt Nam, Viện Tư vấn Phát triển Kinh tế Xã hội Nông thôn và Miền núi và Công ty văn hoá Hà Nội trao tặng.
- Bằng khen của Ủy Ban Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương vì đã có thành tích phát triển thương hiệu trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, đạt Giải thưởng Sao Vàng Phương Nam năm 2008.
- Giải thưởng "Sao vàng đất Việt" dành cho các sản phẩm, thương hiệu tiêu biểu của Việt Nam trong hội nhập quốc tế do Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại, Cục sở hữu trí tuệ và Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế tổ chức trong các năm liên 2006-2008-2009.

#### 1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

**Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của SAIGONBANK**

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn Điều Lệ tăng thêm (1.000 đồng)	VDL sau đợt phát hành (1.000 đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	1987	-	650.000	-	-
2	1990	2.600.000	3.250.000	-	-
3	1992	6.000.000	9.250.000	-	-
4	1993	41.290.000	50.540.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	CV số 192/CV-NH5 ngày 4/5/1993
5	1995	49.285.000	99.825.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	QĐ số 235/QĐ-NH5 ngày 07/9/1996
6	2000	45.171.500	144.996.500	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+Quyết Nghị Đại hội đồng cổ đông ngày 05/10/2000. +QĐ số 201/QĐ-NHNN ngày 15/3/2001
7	2002	37.000.000	181.996.500	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+Quyết Nghị Đại hội đồng cổ đông ngày 04/04/2002. +QĐ số 860/2002/NHNN

				hữu	ngày 23/7/2002
<b>8</b>	2003	68.003.500	250.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+Quyết nghị Đại hội đồng cổ đông ngày 15/01/2003 +CV số 75/NHNN-HCM02 ngày 12/6/2003
<b>9</b>	2004	53.500.000	303.500.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+CV số 1475/NHNN-HCM02 ngày 15/9/2004
<b>10</b>	2005	96.500.000	400.000.000		+ Quyết Nghị Đại hội đồng cổ đông ngày 10/03/2004 + Quyết định 149/2005/QĐ-HĐQT ngày 15/9/2005
<b>11</b>	2006	200.000.000	600.000.000		+ Quyết định ĐHĐCĐ ngày 24/03/2006
		15.896.000	615.896.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+ Quyết định ĐHĐCĐ ngày 24/03/2006 +CV số 433/NHNN-HCM02 ngày 11/4/2006 +Quyết định số 260/2006-QĐ-HĐQT ngày 18/8/2006
<b>12</b>		73.359.000	689.255.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+ NQ ĐHĐCĐ ngày 19/10/2006. +Cv số 1707/NHNN-HCM02 ngày 6/12/2006 + Quyết định 352/2006/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2006
<b>13</b>	2007	330.745.000	1.020.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+CV số 608/NHNN-HM02 ngày 02/5/2007 +Quyết định số 285/2007/QĐ-HĐQT ngày 17/12/2007
<b>14</b>	2009	392.000.000	1.412.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+Nghị quyết số 86/NQ-HĐQT-2008 ngày 19/5/2008 +CV số 2037/NHNN-HM02 ngày 12/11/2008
<b>15</b>		88.000.000	1.500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+Số 5066/NHNN-CNH ngày 03/7/2009 +Quyết định số 137/2009/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2009
<b>16</b>	2010	242.470.410	1.742.470.410	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+Số 5157/NHNN-TTGSNH ngày 09/7/2010
<b>17</b>		717.529.590	2.460.000.000		+Quyết định số 137/2010/QĐ-HĐQT ngày 28/09/2010 +Quyết định số 213/2010/QĐ-HĐQT ngày 23/12/2010
<b>18</b>	2011	500.000.000	2.960.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	+Số 7347/NHNN-TTGSNH ngày 20/9/2011
<b>19</b>	15/03/2012	74.000.000	3.034.000.000		
<b>20</b>	26/09/2012	46.000.000	3.080.000.000		+Quyết định số 169/2011/QĐ-

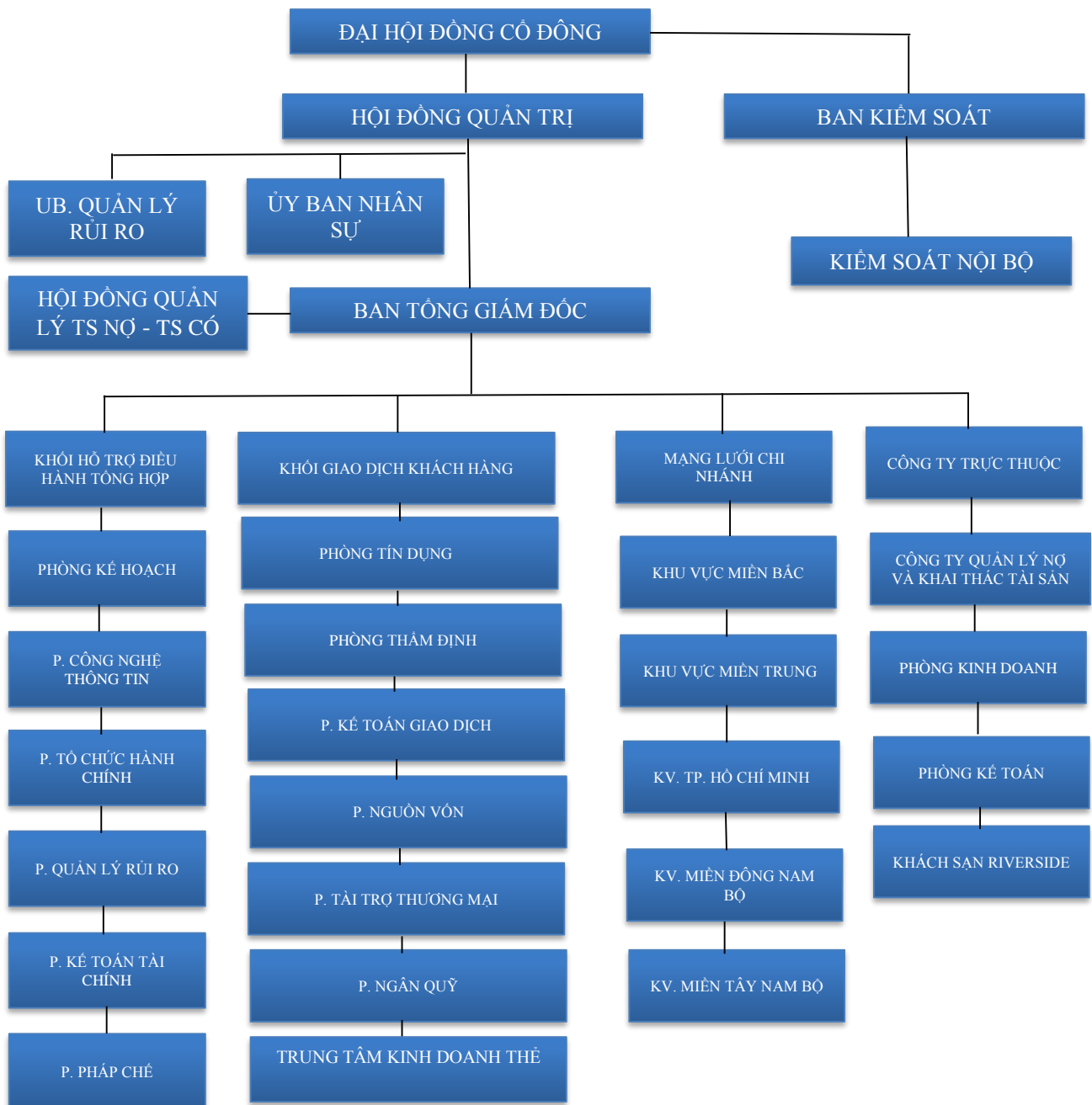
				hữu	HĐQT ngày 27/12/2011 + Quyết định số 24/2012/QĐ- HĐQT ngày 12/03/2012 + Quyết định số 114/2012/QĐ- HĐQT ngày 18/09/2012
--	--	--	--	-----	---

(Nguồn: SAIGONBANK)

Ghi chú: Các đợt tăng vốn năm 1990 và 1992 do thời gian lưu trữ quá lâu nên Saigonbank đã thất lạc văn bản là cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn.

**2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng**

**Biểu đồ 01: Sơ đồ tổ chức**



(Nguồn: SAIGONBANK)

## 2.1 Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của SAIGONBANK, tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn do luật pháp và điều lệ SAIGONBANK quy định.
- **Hội đồng quản trị:** HĐQT của Ngân hàng gồm 06 thành viên.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của SAIGONBANK, quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật, điều lệ SAIGONBANK và đóng vai trò kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chỉ tiêu do Đại Hội đồng Cổ đông giao.

### Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024 của SAIGONBANK:

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
1	Ông Vũ Quang Lãm	- Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Phương Khanh	- Thành viên HĐQT
3	Ông Trần Thanh Giang	- Thành viên HĐQT
4	Ông Trần Quốc Thanh	- Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Cao Trí	- Thành viên HĐQT
6	Bà Phạm Thị Kim Lệ	- Thành viên độc lập HĐQT

- **Ban kiểm soát:** BKS của Ngân hàng gồm 03 thành viên.

BKS là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của SAIGONBANK, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
1	Bà Đặng Thị Kiều Phước	- Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Vũ Quỳnh Mai	- Thành viên
3	Bà Nguyễn Đào Phương Linh	- Thành viên

## 2.2 Cơ cấu bộ máy điều hành của Ngân hàng

- **Ban Tổng Giám đốc:** số thành viên của BTGD gồm 06 thành viên.

BTGD là cơ quan chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; thông qua đó kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của các chi nhánh về các chỉ tiêu, công tác do BTGD giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

- **Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc:** (xem sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý)
- Về cơ cấu tổ chức, hiện nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương bao gồm 01 Hội sở có các Phòng chức năng như *Biểu đồ 1- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của SAIGONBANK*, và đang sở hữu các đơn vị trực thuộc: Trung tâm kinh doanh thẻ, Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, và mạng lưới Chi nhánh gồm 33 Chi nhánh, 55 Phòng Giao dịch trong đó chức năng nhiệm vụ các phòng như sau:

### 1- Phòng Kế toán giao dịch:

Phòng kế toán giao dịch có chức năng thực hiện các giao dịch trực tiếp với khách hàng về tài khoản tiền gửi, tiết kiệm, chuyển tiền, phát hành và thanh toán séc,...

*Nhiệm vụ:*

- Thực hiện thủ tục mở tài khoản tiền gửi.
- Quản lý tài khoản và xử lý các giao dịch trên tài khoản tiền gửi tiết kiệm (giao dịch gửi, rút, tất toán tài khoản...)
- Quản lý tài khoản và xử lý các giao dịch trên tài khoản tiền gửi (giao dịch gửi, rút, thu phí, chuyển khoản, phát hành và thanh toán séc ...).
- Thực hiện giao dịch trên tài khoản thẻ.
- Thực hiện các giao dịch chuyển tiền đi, đến với khách hàng vắng lai.
- Thực hiện thủ tục chuyển tiền đi và thanh toán chuyển tiền đến (trong và ngoài nước).
- Thực hiện nghiệp vụ chuyển tiền nhanh Money Gram.
- Lập báo cáo thống kê và lưu trữ theo chế độ.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

### 2- Phòng Kế toán tài chính:

Phòng kế toán tài chính có chức năng tổ chức thực hiện các giao dịch nội bộ (không trực tiếp với khách hàng) và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

*Nhiệm vụ:*

\* Bộ phận chuyển tiền:

- Thanh toán chuyển tiền trong nước: chuyển tiền đi, nhận chuyển tiền đến từ các kênh thanh toán bù trừ, điện tử, từ tài khoản tiền gửi (nostro A/c) tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác trong nước.
- Thanh toán chuyển tiền trong hệ thống Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương: nhận chuyển tiền nội bộ đến Hội sở, chuyển tiền đi trong hệ thống từ Hội sở đến các chi nhánh.
- Nhận chuyển tiền đến từ nước ngoài cho toàn hệ thống.
- Quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn (Nostro A/c) của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương mở tại Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài.

\* Bộ phận chi tiêu, lương:

- Tổ chức hạch toán theo dõi quản lý các chi tiêu nội bộ.
- Phối hợp với Phòng Tổ chức hành chính tính lương, thưởng, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế.
- Phối hợp với Phòng Hành chính quản lý tài sản, công cụ, vật liệu dự trữ.

\* Bộ phận kế toán tổng hợp:

- Phối hợp với Phòng Vi tính lập, kiểm tra các báo cáo tài chính ngày, tháng, quý, năm.
- Tính và kê khai thuế với Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.
- Thực hiện việc nghiên cứu, phân tích tài chính, quản lý và tư vấn tài chính.
- Thực hiện việc quản lý SWIFT.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc .



### 3- Phòng Nguồn vốn:

Phòng Nguồn vốn có chức năng kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán, huy động và sử dụng nguồn vốn liên ngân hàng, điều phối, cân đối vốn toàn hệ thống.

*Nhiệm vụ:*

- Thực hiện việc cân đối vốn và sử dụng vốn, theo dõi tiền gửi VNĐ và ngoại tệ tại các ngân hàng trong và ngoài nước để điều chuyển vốn kịp thời.
- Thực hiện các giao dịch tiền gửi liên ngân hàng, đầu tư vốn ngắn hạn, dài hạn.
- Cân đối, tính toán nhu cầu thanh toán để quyết định gửi hoặc vay trên thị trường liên ngân hàng.
- Thực hiện hạch toán mua ngoại tệ, căn cứ lệnh hoặc UNC của khách hàng chuyển ngoại tệ bán cho Ngân hàng.
- Thực hiện hạch toán bán ngoại tệ căn cứ đơn mua ngoại tệ của khách hàng được duyệt hoặc đề nghị của bộ phận thanh toán XNK về thanh toán L/C.
- Xây dựng tỷ giá trên cơ sở vận dụng tỷ giá chuẩn của Ngân hàng Nhà nước và tham khảo tỷ giá của thị trường trong nước, tỷ giá quốc tế để áp dụng toàn hệ thống.
- Theo dõi tỷ giá biến động trên Reuter để mua bán (chuyển đổi).
- Thực hiện báo cáo tình hình mua bán ngoại tệ và trạng thái ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện các giao dịch đầu tư mua trái phiếu, cổ phiếu...
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc

### 4- Phòng Tài trợ thương mại:

- Chức năng nhiệm vụ chung:
  - Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế kèm chứng từ và tài trợ thương mại như tín dụng chứng từ (L/C), nhờ thu chứng từ (Collection), Bảo lãnh Ngân hàng (Bank Guarantee), ...
  - Quản lý tập trung, là đầu mối tổ chức, phối hợp và chỉ đạo các mặt nghiệp vụ thanh toán quốc tế kèm chứng từ và tài trợ thương mại trong toàn hệ thống.
  - Soạn thảo và trình cấp có thẩm quyền ký ban hành quy trình liên quan đến nghiệp vụ thanh toán quốc tế kèm chứng từ và tài trợ thương mại.
  - Nghiên cứu các quy định, văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như các quy tắc và quy định về thông lệ quốc tế liên quan đến nghiệp vụ thanh toán quốc tế kèm chứng từ và tài trợ thương mại để kịp thời hướng dẫn thực hiện cho toàn hệ thống.
  - Nghiên cứu phát triển và đưa vào áp dụng các sản phẩm tài trợ thương mại đảm bảo tính cạnh tranh.
  - Phối hợp với các phòng /ban /bộ phận nghiệp vụ có liên quan như Tín dụng, Kế toán, Định chế tài chính ... để đảm bảo mọi hoạt động của Phòng được thực hiện đúng, kịp thời và hiệu quả.

### 5- Phòng Quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro trong toàn hệ thống Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương (SAIGONBANK). Đề xuất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc ban hành các quy trình, quy định và hướng dẫn

công tác quản lý rủi ro, tham mưu ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động và Chính sách quản lý rủi ro tại Ngân hàng.

+ Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

+ Xác định chiến lược rủi ro, xây dựng cấu trúc quản trị, phân định luồng báo cáo, kiểm soát tự đánh giá, quản lý sự rủi ro, các chỉ số đo lường rủi ro chính và chương trình giảm thiểu rủi ro.

+ Nghiên cứu, thiết kế các công cụ, mô hình lượng hóa, dự báo rủi ro phù hợp với thực tiễn ngân hàng và bối cảnh Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Tham gia đóng góp vào việc xây dựng chiến lược kinh doanh của Ngân hàng, sản phẩm dịch vụ mới dựa trên quan điểm độc lập trong việc đánh giá rủi ro.

- Tổ chức triển khai, thực hiện công tác quản lý rủi ro tập trung toàn hệ thống SAIGONBANK.

+ Soạn thảo chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý rủi ro trong toàn ngân hàng.

+ Xác định các hạn mức rủi ro, phân bổ các chỉ tiêu quản lý rủi ro cho các đơn vị trong toàn hệ thống SAIGONBANK.

+ Phối hợp với các phòng/chi nhánh có liên quan tổ chức thực hiện, cụ thể hóa quy trình và theo dõi, đánh giá việc tuân thủ các hạn mức, mục tiêu đã đề ra.

+ Làm đầu mối trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về rủi ro, tổn thất cho Ngân hàng; tổ chức đào tạo nghiệp vụ quản lý rủi ro cho nhân viên chuyên trách.

- Thực hiện tự đánh giá về tính phù hợp và hiệu quả trong công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng. Kiến nghị các biện pháp cải tiến, sửa đổi, bổ sung, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý rủi ro tại SAIGONBANK.

+ Tổng hợp, giám sát, phân tích, đánh giá hiệu quả quản lý rủi ro của SAIGONBANK trên tất cả các phương diện rủi ro: tín dụng, thị trường, thanh khoản, tác nghiệp,...

+ Phối hợp với Phòng Kiểm toán nội bộ khi được yêu cầu, nhằm tạo tính khách quan trong việc đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý rủi ro.

## 6- Phòng Thẩm định:

Phòng thẩm định có chức năng thẩm định tính pháp lý và thẩm định giá trị tài sản thế chấp, cầm cố... làm căn cứ để Phòng Tín dụng xem xét cho vay hoặc giải quyết các nghiệp vụ khác theo tiêu chí hoàn toàn độc lập, khách quan .

### *Nhiệm vụ:*

- Thẩm định tài sản bảo đảm của các khách hàng có đề nghị cấp tín dụng tại Hội sở, thẩm định tài sản cùng với Hội đồng mua sắm tài sản của Ngân hàng đối với những tài sản mà Ngân hàng dự kiến mua.

- Tái thẩm định, trình và đề xuất ý kiến cho Tổng Giám đốc các hồ sơ đề nghị cấp tín dụng do phòng Tín dụng trình Tổng Giám đốc (trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị thẩm định lại).

- Thẩm định, trình và đề xuất ý kiến cho Hội đồng tín dụng, Tổng Giám đốc các hồ sơ cấp tín dụng vượt mức phán quyết của chi nhánh.

- Thẩm định, trình và đề xuất ý kiến cho Hội đồng tín dụng, Tổng Giám đốc các hồ sơ cấp tín dụng do Phòng tín dụng trình Hội đồng Tín dụng.

- Thực hiện tổng hợp các báo cáo có liên quan trong toàn hệ thống.

- Quản lý các khoản vay của chương trình RDF II của toàn hệ thống.

- Giải quyết các công việc có liên quan khác phát sinh trong từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

## 7- Phòng Tín dụng:

Phòng Tín dụng là Phòng nghiệp vụ trực tiếp giao dịch với khách hàng, có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện các biện pháp sử dụng vốn qua hình thức cho vay ngắn hạn, trung, dài hạn và bảo lãnh (bằng tiền đồng VN và ngoại tệ) trên cơ sở chế độ thể lệ quy định đảm bảo an toàn vốn và hiệu quả kinh doanh.

### *Nhiệm vụ:*

#### \* Bộ phận khách hàng cá nhân:

- Khai thác nguồn vốn bằng VNĐ & ngoại tệ từ khách hàng là cá nhân qua việc tiếp xúc, thẩm định, trình hồ sơ vay, bảo lãnh, thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm ..., thực hiện giải ngân, theo dõi, quản lý hồ sơ vay trên chứng từ giấy.
- Thực hiện xử lý các công việc phát sinh sau cho vay, bảo lãnh.
- Kiểm tra sau việc sử dụng vốn vay, kiểm tra tình hình kinh doanh của đơn vị, kiểm tra tài sản đảm bảo của khách hàng vay là cá nhân hoặc cá nhân có đăng ký kinh doanh.
- Theo dõi quản lý các khoản nợ quá hạn, thực hiện các biện pháp chế tài tín dụng và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo để nhanh chóng thu hồi các khoản nợ này.

#### \* Bộ phận khách hàng doanh nghiệp:

- Khai thác nguồn vốn bằng VNĐ & ngoại tệ từ khách hàng là doanh nghiệp qua việc tiếp xúc, thẩm định và xác định hạn mức tín dụng cho một khách hàng (bao gồm cho vay, tài trợ thương mại, bảo lãnh) trình cấp tín dụng, thực hiện nhanh chóng đăng ký giao dịch bảo đảm, thực hiện giải ngân, theo dõi, quản lý hồ sơ vay trên chứng từ giấy.
- Thực hiện xử lý các việc phát sinh sau cho vay, bảo lãnh như giải chấp, hoán đổi tài sản, điều chỉnh lãi suất, thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, khoan nợ, xóa nợ, ....
- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản vay trong và sau khi cho vay.
- Theo dõi quản lý các khoản nợ quá hạn, thực hiện các biện pháp chế tài tín dụng và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo để nhanh chóng thu hồi các khoản nợ này.
- Nắm cập nhật, phổ biến toàn diện về thông tin khách hàng theo quy định.

#### \* Bộ phận Kế toán tín dụng:

Thực hiện việc quản lý tài khoản cho vay, bảo lãnh, giải ngân, hạch toán thu nợ gốc, nợ lãi, hạch toán ngoại bảng, lưu giữ hồ sơ trên chương trình Core Banking.

#### \* Bộ phận tổng hợp:

- Tổng hợp trình, trích dự phòng rủi ro toàn hệ thống, theo dõi nợ xấu tại Hội sở.
- Thu thập thông tin giá cả thị trường.
- Cung cấp số liệu báo cáo của Hội sở cho các Phòng, bộ phận có liên quan.
- Quản lý theo dõi tài sản gửi tại kết Phòng Tín dụng.
- Quản lý theo dõi hỗ trợ cán bộ tín dụng các hồ sơ tố tụng, tranh chấp.
- Giải quyết các phát sinh khác của Chi nhánh trình Ban Tổng Giám đốc.

- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

### **8- Phòng Ngân quỹ:**

Phòng Ngân quỹ có chức năng quản lý an toàn kho quỹ, quản lý quỹ tiền mặt theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

*Nhiệm vụ :*

- Quản lý an toàn kho quỹ ( tiền VNĐ và ngoại tệ , thẻ trắng tiết kiệm, giấy tờ có giá, hồ sơ tài sản thế chấp,...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- Thực hiện việc điều phối tiền mặt cho Phòng Kế toán giao dịch và các Chi nhánh.
- Thu, chi tiền mặt giao dịch có giá trị lớn, thu, chi lưu động tại các doanh nghiệp, khách hàng.
- Tổ chức theo dõi chặt chẽ tình hình tồn quỹ tiền đồng và ngoại tệ để xử lý điều chuyển tiếp vốn.
- Thực hiện việc giao, nhận tiền từ Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện việc ghi chép theo dõi sổ sách thu, chi , tổ chức xuất, nhập kho tiền theo chế độ quy định.
- Thực hiện việc kiểm kê quỹ cuối mỗi ngày.
- Giữ chìa khóa kho theo quy định.
- Thường xuyên kiểm tra phát hiện kịp thời các hiện tượng hoặc sự cố ảnh hưởng đến an toàn kho quỹ.
- Tổ chức học tập nâng trình độ nghiệp vụ cho nhân viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác kho quỹ.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

### **9- Chức năng, nhiệm vụ Phòng Công nghệ thông tin:**

Phòng Công nghệ thông tin có chức năng nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng nhằm mang lại tiện ích cho khách hàng và hiệu quả kinh tế cho Ngân hàng.

*Nhiệm vụ chung:*

- Quản lý, lưu trữ, khai thác số liệu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương.
- Điều hành, bảo đảm vận hành các hệ thống chương trình nghiệp vụ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương tích hợp với các hệ thống bù trừ, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, hệ thống thông tin báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước, hệ thống SWIFT, các kênh thanh toán tự động, các kênh thanh toán điện tử, các hệ thống thanh toán khác.
- Quản lý, vận hành hệ thống Core Banking Symbols, các ứng dụng của bên thứ ba và các ứng dụng tự phát triển.
- Quản lý, cài đặt, cấu hình hệ thống Core Banking.
- Tổng hợp số liệu báo cáo toàn hệ thống, báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
- Quản lý, cài đặt, cấu hình các phần mềm hệ thống, các công cụ phát triển, các hệ cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng của Ngân hàng.
- Thiết kế, cài đặt, bảo trì hệ thống mạng LAN/WAN, phần cứng, phần mềm.
- Bảo đảm an ninh mạng và an toàn thông tin.

- Quản trị phần cứng, phần mềm hệ thống liên quan hoạt động Thẻ.
- Xây dựng, quản trị hệ thống Internet Banking, Contact center.
- Nghiên cứu, xây dựng, triển khai các dự án Công nghệ thông tin, các ứng dụng theo nhu cầu phát triển của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.
- Xây dựng hồ sơ thiết kế, quy trình vận hành phần cứng, phần mềm.
- Hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ các chi nhánh.
- Tham gia đào tạo nhân viên về công nghệ thông tin.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

#### **10- Phòng Kế hoạch:**

Phòng Kế hoạch có chức năng nghiên cứu xây dựng kế hoạch, chiến lược, đề xuất phương hướng phát triển hoạt động kinh doanh và biện pháp tổ chức triển khai thực hiện an toàn, hiệu quả phù hợp với pháp luật và thể chế của ngành.

*Nhiệm vụ:*

\* Bộ phận Nghiên cứu chiến lược:

- Nghiên cứu chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương trong từng thời kỳ.
- Xây dựng các kế hoạch tài chính năm (VNĐ và ngoại tệ), phân bổ chỉ tiêu kế hoạch thực hiện cho các chi nhánh và tổ chức theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã giao.
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp huy động vốn trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu, đề xuất việc ấn định lãi suất tiền gửi, tiền vay (bằng đồng VN và ngoại tệ) áp dụng trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.
- Nghiên cứu, đề xuất các cơ hội đầu tư - liên doanh và theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng liên doanh đã được duyệt.

\* Bộ phận Tổng hợp :

- Tổng hợp tình hình, số liệu và phân tích đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh toàn hệ thống theo định kỳ tháng, quý, năm.
- Thực hiện báo cáo thống kê tình hình hoạt động theo yêu cầu của ngành.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

#### **11- Phòng Tổ chức và hành chính:**

Phòng Tổ chức hành chính có chức năng thực hiện công tác tổ chức cán bộ và đào tạo, thực hiện công tác quản trị và văn phòng, bảo vệ an ninh, an toàn cơ quan.

*Nhiệm vụ:*

\* Bộ phận Nhân sự và đào tạo:

- Nghiên cứu, tham mưu về công tác tổ chức bộ máy, bố trí sắp xếp nguồn nhân lực hợp lý theo yêu cầu công tác và trình độ, năng lực, đạo đức cán bộ.



- Nghiên cứu đề xuất và thực hiện các chế độ, chính sách về lương bổng, tuyển dụng, điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, hưu, tuất.
- Xây dựng, thực hiện quy hoạch cán bộ, triển khai kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ cán bộ điều hành và nhân viên, chú trọng đào tạo đội ngũ kế thừa đáp ứng yêu cầu phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.
- Tổ chức, thực hiện việc đánh giá hiệu quả đào tạo, tổ chức cho các đối tượng tham gia các khóa đào tạo báo cáo lại nội dung và sự hữu ích các khóa học, việc vận dụng kiến thức đã học vào công việc thực tế, qua đó đề xuất hình thức biểu dương khen thưởng kịp thời.
- Quản lý và thực hiện các thủ tục chọn cử nhân sự tham dự học tập, khảo sát ở trong nước và nước ngoài.
- Thực hiện quản lý lao động, kiểm tra theo dõi việc chấp hành nội quy, kỷ luật lao động, tập hợp tình hình diễn biến tư tưởng cán bộ, nhân viên phản ánh kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.
- Quản lý bảo mật hồ sơ nhân sự trong toàn hệ thống và các tài liệu hồ sơ pháp lý khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

\* **Bộ phận Hành chính quản trị** :

- Tổ chức thực hiện công tác văn thư, tiếp nhận giao chuyển văn thư đi, đến trong nội bộ ngân hàng và qua bưu điện.
- Nhận fax, điện tín, điện thoại, đánh máy, in ấn, sao chụp.
- Thực hiện việc mua sắm, điều chuyển phân bổ sử dụng, sửa chữa bảo quản, bảo trì các trang thiết bị máy móc, xe cộ và phương tiện làm việc.
- Quản lý việc sử dụng xe ô tô, sử dụng điện, điện thoại văn phòng phẩm.
- Thực hiện, quản lý và cấp phát giấy giới thiệu, giấy xác nhận công nhân viên và công lệnh.
- Quản lý bảo quản con dấu theo chế độ quy định.
- Quản lý chi tiêu hành chính.
- Tổ chức hội họp, hội nghị, chiêu đãi.
- Nghiên cứu hình thức tặng phẩm, quản lý tặng phẩm.
- Tổ chức phục vụ y tế, vệ sinh các sinh hoạt tập thể.
- Thực hiện công tác lưu trữ đảm bảo an toàn kho lưu trữ chứng từ, hồ sơ tài liệu của toàn hệ thống.
- Thực hiện công tác xây dựng cơ bản, nghiên cứu, đề xuất biện pháp xây dựng, sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc trong toàn hệ thống.
- Thực hiện công tác bảo vệ an ninh, an toàn cơ quan.
- Tổ chức thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

**12- Phòng Pháp chế:**

Phòng Pháp chế có chức năng thực hiện các mặt công tác phát sinh trên mọi lĩnh vực hoạt động trong toàn hệ thống có liên quan đến pháp luật, thể chế của Ngân hàng, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc biện pháp xử lý vi phạm có liên quan đến các vụ việc tố tụng tranh chấp tài sản, khiếu nại tố cáo, vi phạm các quy định về phòng, chống rửa tiền.

*Nhiệm vụ :*

\* **Bộ phận Pháp chế :**

- Nghiên cứu luật pháp Nhà nước, thể lệ chế độ của ngành, trên cơ sở đó xây dựng thể chế mới hoặc có sửa đổi, bổ sung phù hợp từng thời kỳ các thể chế đã ban hành trong hệ thống Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.
- Tổ chức phổ biến kiến thức về pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh, hướng dẫn việc thực hiện các thể chế hiện hành, đảm bảo sự nhất quán thực hiện trong toàn hệ thống.
- Soạn thảo, thẩm định nội dung các hợp đồng, văn bản... của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương ký kết, đảm bảo hội đủ các yếu tố pháp lý theo quy định pháp luật hiện hành.
- Phối kết hợp với Phòng Tín dụng, Phòng Tài trợ thương mại thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý có liên quan đến tranh chấp tài sản, thu hồi nợ hoặc các vụ việc gây tổn thất tài sản hoặc ảnh hưởng uy tín Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (nếu có) phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các vụ việc tố tụng và các vụ việc khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Nghiên cứu đề xuất ý kiến cho Ban Tổng Giám đốc trong việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Lưu trữ cập nhật và quản lý hệ thống quy chế, quy trình, quy định... nội bộ và các văn bản pháp luật, thông tin, dữ liệu pháp lý.

\* **Bộ phận phòng, chống rửa tiền:**

- Phối hợp chặt chẽ với các cá nhân và đơn vị trong toàn hệ thống ngân hàng để giám sát việc chấp hành các quy định của Ngân hàng và các cơ quan có thẩm quyền cũng như các quy trình nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh và các quy định khác của Ngân hàng nhằm phòng chống việc lợi dụng hệ thống Ngân hàng để rửa tiền.
- Thường xuyên cập nhật văn bản mới về phòng, chống rửa tiền của Ngân hàng Nhà nước để phổ biến trong toàn hệ thống.
- Tiếp nhận các báo cáo liên quan đến phòng, chống rửa tiền (kể cả báo cáo những giao dịch đáng ngờ) từ các cá nhân và đơn vị tiền gửi đến và xử lý các thông tin này trước khi gửi đến cơ quan có thẩm quyền.
- Đề xuất, kiến nghị các biện pháp xử lý những trường hợp vi phạm các quy định về phòng , chống rửa tiền của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan như: Công an, Trung tâm thông tin phòng, chống rửa tiền Ngân hàng Nhà nước để xử lý các giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến rửa tiền.
- Thực hiện việc báo cáo (bằng điện thoại, văn bản), về các giao dịch đáng ngờ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Đề xuất hướng xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo quy định của Pháp luật.

- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

### **13- Trung tâm kinh doanh thẻ:**

Trung tâm kinh doanh thẻ có chức năng quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động kinh doanh thẻ phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

#### *Nhiệm vụ:*

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh thẻ phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương trong từng thời kỳ.

- Nghiên cứu, xây dựng và tham mưu cho Tổng Giám đốc ban hành các chính sách, quy trình, quy chế và các văn bản hướng dẫn thực hiện triển khai công tác quản lý, phát hành và thanh toán thẻ.

- Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ thẻ và các tính năng tiện ích mới. Làm đầu mối phối hợp với các Phòng liên quan trong việc quản lý, phát triển thương hiệu cho sản phẩm dịch vụ thẻ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

- Phối hợp với các phòng chức năng liên quan thực hiện đầu tư, mua sắm các trang thiết bị, hệ thống công nghệ về thẻ đáp ứng các yêu cầu hệ thống công nghệ thẻ và thế giới.

- Quản lý, thực hiện các tác nghiệp và hỗ trợ chi nhánh, kênh phân phối, cơ sở chấp nhận thẻ thực hiện các công việc liên quan đến công tác phát hành, thanh toán thẻ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với quy định của các tổ chức thẻ mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương là thành viên hay tham gia liên kết.

- Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ thẻ cho các chi nhánh, các kênh phân phối và đơn vị chấp nhận thẻ.

- Xây dựng và triển khai các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích khách hàng sử dụng thẻ, duy trì và phát triển các đơn vị chấp nhận thẻ, các kênh phân phối thẻ.

- Quản lý khai thác và vận hành hệ thống phát hành và thanh toán thẻ, các thiết bị đầu cuối và thiết bị, vật phẩm khác liên quan tới hoạt động kinh doanh thẻ. Phối hợp với các phòng chức năng liên quan trong việc vận hành, xử lý sự cố trực trực kỹ thuật và đường truyền liên quan tới hoạt động kinh doanh thẻ, đảm bảo tính liên tục của hệ thống.

- Xây dựng chính sách, chương trình marketing, trực tiếp thực hiện và hỗ trợ chi nhánh, cơ sở chấp nhận thẻ, các kênh phân phối thẻ, thực hiện hoạt động marketing để thu hút khách hàng, mở rộng thị trường, nâng cao hình ảnh sản phẩm thẻ Ngân hàng.

- Thực hiện các công việc liên quan tới nghiệp vụ thẻ với các Ngân hàng, các tổ chức thẻ trong nước và quốc tế.

- Tổng hợp các báo cáo về hoạt động phát hành thanh toán thẻ trong toàn hệ thống.

- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

### **14- Công ty trực thuộc:**

**Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản:** là loại hình công ty mua bán nợ đầu tiên

trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam. Công ty được thành lập theo Giấy phép số 4104000033 ngày 24/12/2001, thay đổi lần thứ 7 theo mã số mới 0302487767 ngày 21/06/2013 với vốn điều lệ là 612.503.446.000 đồng. Đây là Công ty do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương sở hữu 100% vốn điều lệ.

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.**

**3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm 29/05/2020**

***Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng***

*Đơn vị tính: đồng, %*

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	THÀNH TIỀN	TỈ LỆ %
Văn phòng Thành ủy TP.HCM	127 Trương Định, P.7, Q.3, TP.HCM	56.009.576	560.095.760.000	18,18
Cty TNHH một thành viên Du lịch TM Kỳ Hòa	238 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM	50.364.494	503.644.940.000	16,35
Cty TNHH một thành viên Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP.HCM	43.370.958	433.709.580.000	14,08
Công ty TNHH MTV xây dựng và kinh doanh nhà Phú Nhuận	99 Nguyễn Văn Trỗi, P.12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	51.250.000	512.500.000.000	16,64
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>200.995.028</b>	<b>2.009.950.280.000</b>	<b>65,25</b>

*(Nguồn: Theo Danh sách cổ đông SAIGONBANK do VSD cấp)*

**3.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại 29/05/2020**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương là pháp nhân hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 0300610408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/08/1993, thay đổi lần thứ 29 ngày 22/06/2018.

Căn cứ quy định tại Luật doanh nghiệp thì cổ đông sáng lập của SAIGONBANK đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập.

**3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/05/2020**

***Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/05/2020***

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (Cổ đông)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>50</b>	<b>239.879.721</b>	<b>77,883</b>
	Trong nước	49	224.651.871	72,939
	Nước ngoài	01	15.227.850	4,944
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>2.133</b>	<b>68.120.279</b>	<b>22,117</b>

	Trong nước	2.131	67.956.022	22,064
	Nước ngoài	02	164.257	0,053
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu Quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.183</b>	<b>308.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông Saigonbank do VSD cấp)

**4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng.**

**4.1 Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng.**

Không có.

**4.2 Các công ty con của Ngân hàng**

**Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản**

Tên công ty: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Tên viết tắt: SGFC

Địa chỉ: 38 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 9.141.537 – 3 9.141.538

Vốn điều lệ: 612.503.446.000 đồng

Giấy phép số 4104000033 ngày 24/12/2001, thay đổi lần thứ 7 theo mã số mới 0302487767 ngày 21/06/2013

- Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng: 100% vốn điều lệ Ngành nghề kinh doanh:
- Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn;
- Hoàn thiện hồ sơ có liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật trình Ban chỉ đạo cơ cấu lại tài chính Ngân hàng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Ngân hàng xóa nợ cho khách hàng;
- Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng theo giá thị trường;
- Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp;
- Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay để thu hồi nợ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;



- Mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ nhà đất;
- Quản lý bất động sản;
- Khách sạn, nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở công ty);
- Đại lý đổi ngoại tệ.
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô.
- Mua bán hàng mỹ nghệ, rượu (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

#### **4.3 Các công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối** Không có.

### **5. Hoạt động kinh doanh**

#### **5.1 Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng**

##### **5.1.1 Sản phẩm và dịch vụ**

- Sản phẩm tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn ; Tiền gửi thanh toán,....
- Sản phẩm cho vay: Cho vay sản xuất thương mại dịch vụ; Cho vay mua nền nhà, mua nhà; Cho vay sửa chữa, xây dựng, trang trí nội thất; Cho vay trả góp, sinh hoạt, tiêu dùng; Cho vay cầm cố sổ tiết kiệm; Cho vay du học;...
- Thanh toán quốc tế: Thư tín dụng (L/C); Chuyển tiền; Nhờ thu; Kiều hối – MoneyGram,...
- Các sản phẩm dịch vụ thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử: Thẻ đa năng SaiGon BankCard, SAIGONBANK Smart Banking, Cổng thanh toán điện tử nội địa SAIGONBANK (Ecom), liên kết tài khoản SAIGONBANK với các ví điện tử Moca, MoMo, Payoo, Zalo Pay, Viettel Pay, sử dụng các dịch vụ thanh toán trực tuyến qua cổng thanh toán NAPAS, VNPAY, ứng dụng thanh toán Samsung Pay,...
- Các sản phẩm dịch vụ khác: Chuyển tiền trong nước; Kinh doanh ngoại tệ; Dịch vụ ngân quỹ; Thu chi hộ; Bảo lãnh; Xác nhận khả năng tài chính; Phone Banking; Internet Banking...

##### **5.1.2 Huy động vốn**

Mặc dù chịu tác động của một số khó khăn nhất định trong hoạt động như: sự cạnh tranh của các Ngân hàng thương mại khác trong nước trên các mặt lãi suất, sản phẩm dịch vụ, thẻ... nhưng trong thời gian gần đây SAIGONBANK thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường, làm tốt công tác dự báo nguồn vốn trên thị trường, đã xây dựng được chính sách lãi suất huy động phù hợp, phòng tránh được rủi ro huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng. Năm 2019, SAIGONBANK huy động được hơn 18.887,35 tỷ đồng tăng 13,54% so với năm 2018 nguyên nhân do SAIGONBANK đang tự mình điều chỉnh lại đối tượng cho vay nhằm nâng cao chất

lượng tín dụng và tập trung đáp ứng vốn cho các chương trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của TPHCM. Bên cạnh đó, trong thời điểm này SAIGONBANK cũng rà soát, đánh giá lại các khoản nợ hiện có, nhận diện các rủi ro để xây dựng và triển khai thực hiện quyết liệt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mặc dù đang trong quá trình thực hiện cơ cấu lại nhưng SAIGONBANK vẫn hoạt động ổn định, thanh khoản được đảm bảo với một số kết quả đáng ghi nhận..

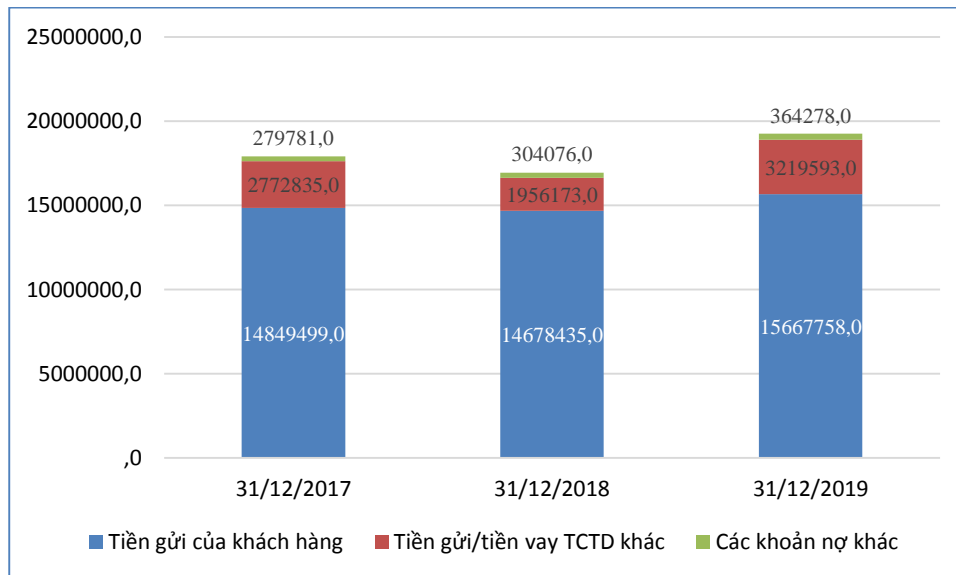
**Bảng 04: Tình hình nguồn vốn huy động**

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020	Tốc độ tăng trưởng (2019 so với 2018)
<b>Vốn huy động (C) = (A) + (B)</b>	<b>16.634.608</b>	<b>18.887.351</b>	<b>16.338.197</b>	<b>13,54%</b>
<b>A. Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>14.678.435</b>	<b>15.667.758</b>	<b>15.543.978</b>	<b>6,74%</b>
1. Tiền gửi không kỳ hạn	1.601.305	1.737.201	1.611.858	8,49%
2. Tiền gửi có kỳ hạn	13.055.837	13.912.147	13.915.067	6,56%
3. Tiền gửi ký quỹ	21.147	18.261	15.062	-13,65%
4. Tiền gửi vốn chuyên dùng	146	149	1.991	2,05%
<b>B. Tiền gửi/tiền vay TCTD khác</b>	<b>1.956.173</b>	<b>3.219.593</b>	<b>794.219</b>	<b>64,59%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý I/2020 tự lập)

**Biểu đồ 02: Cơ cấu vốn huy động**



### 5.1.3 Hoạt động tín dụng

Trong thời gian qua, SAIGONBANK đã mở rộng thị phần cho vay bằng việc áp dụng chính sách lãi suất cho vay linh hoạt, đổi mới phong cách phục vụ,... để hỗ trợ hoạt động và đáp ứng các nhu cầu khách hàng thông qua các mạng lưới hoạt động hiện có và các chi nhánh thành lập mới. Bên cạnh đó,

Ngân hàng thường xuyên rà soát, sàng lọc và duy trì các khách hàng có uy tín để đảm bảo an toàn chất lượng hoạt động tín dụng. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên và theo định kỳ hàng năm nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

Nhìn vào thông tin Bảng 05 - Tình hình dư nợ tín dụng cho thấy năm 2018 cùng với việc quy mô huy động giảm nhẹ thì quy mô tín dụng cũng giảm nhẹ do SAIGONBANK tái cấu trúc và năm 2019 tổng dư nợ tín dụng đã phục hồi và tăng trưởng 9,34% so với năm 2018.

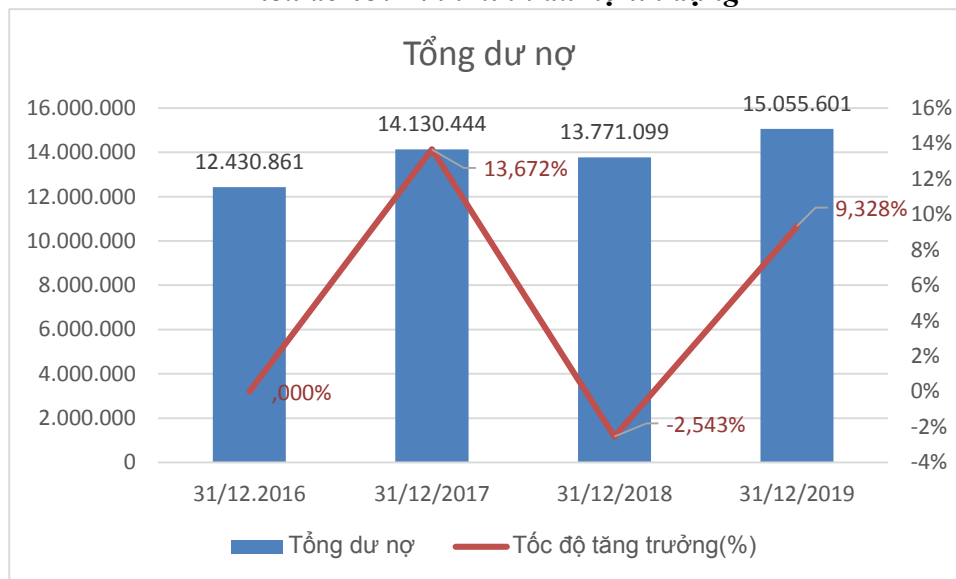
**Bảng 05: Tình hình dư nợ tín dụng**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
1	<b>Tổng dư nợ</b>	12.533.642	14.130.444	13.771.099	15.056.951	14.375.546
	- Tổ chức tín dụng	-	25.000	100.000	500.000	160.000
	- Tổ chức kinh tế, cá nhân	12.533.642	14.105.444	13.671.099	14.556.951	14.215.546
2	<b>Tốc độ tăng trưởng (%)</b>	-	<b>12,74%</b>	<b>-2,54%</b>	<b>9,34%</b>	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SAIGONBANK 2017-2019 và BCTC hợp nhất quý I/2020 tự lập

**Biểu đồ 03: Tình hình dư nợ tín dụng**



## CƠ CẤU DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG

### i. Theo thời gian cho vay ban đầu

**Bảng 06 : Cơ cấu nợ theo thời gian cho vay ban đầu**

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		31/03/2020	
	Giá trị (Triệu đồng)	%	Giá trị (Triệu đồng)	%	Giá trị (Triệu đồng)	%
Nợ ngắn hạn	9.965.841	72,90%	10.579.519	72,68%	10.304.590	72,49%
Nợ trung hạn	1.597.775	11,69%	1.426.315	9,80%	1.396.894	9,83%
Nợ dài hạn	2.107.483	15,42%	2.551.117	17,53%	2.514.062	17,69%
<b>Tổng</b>	<b>13.671.099</b>	<b>100%</b>	<b>14.556.951</b>	<b>100%</b>	<b>14.215.546</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 kiểm toán của SAIGONBANK và BCTC quý I/2020 tự lập)

ii. Theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

**Bảng 07 : Cơ cấu nợ theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp**

Chi tiêu	31/12/2018		31/12/2019	
	Giá trị (Triệu đồng)	%	Giá trị (Triệu đồng)	%
Công ty nhà nước	32.638	0,24%	19.941	0,14%
Công ty TNHH 01 TV do nhà nước sở hữu 100% VĐL	53.414	0,39%	57.173	0,39%
Công ty TNHH 2 TV trở lên có phần vốn góp của nhà nước trên 50% VĐL hoặc nhà nước giữ quyền.	-	-	-	-
Công ty TNHH khác	3.026.884	22,14%	2.635.903	18,11%
Công ty có vốn CP của NN chiếm trên 50% VĐL hoặc tổng số CP có quyền biểu quyết hoặc NN nắm giữ quyền chi phối với Công ty trong điều lệ của Công ty.	-	-	-	0,00%
Công ty cổ phần	840.741	6,15%	859.956	5,91%
Doanh nghiệp tư nhân	90.933	0,67%	77.242	0,53%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	602	0,004%	89.884	0,62%
Hợp tác xã và liên hợp tác xã	35.403	0,26%	35.725	0,25%
Hộ kinh doanh, cá nhân	9.309.085	68,09%	10.454.922	71,82%
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	281.399	2,06%	326.205	2,24%
<b>Tổng</b>	<b>13.671.099</b>	<b>100%</b>	<b>14.556.951</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của SAIGONBANK 2019)

iii. Cơ cấu cho vay theo phân ngành

**Bảng 8: Cơ cấu cho vay theo phân ngành**

STT	Dư nợ theo ngành kinh tế	31/12/2018		31/12/2019	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.173.003	8,58%	942.023	6,47%
2	Khai khoáng	3.913	0,03%	2.762	0,02%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.385.065	10,13%	1.275.328	8,76%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	72.001	0,53%	66.170	0,45%
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải.	53.206	0,39%	14.054	0,10%
6	Xây dựng	1.121.236	8,20%	1.315.599	9,04%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	1.215.570	8,89%	1.125.631	7,73%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	219.869	1,61%	202.777	1,39%
9	Vận tải kho bãi	315.250	2,57%	360.717	2,48%
10	Thông tin và truyền	5.088	0,04%	17.528	0,12%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	127.848	0,94%	151.341	1,04%
12	Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	63.584	0,47%	71.262	0,49%
13	Hoạt động kinh doanh bất động sản	714.433	5,23%	648.050	4,45%
14	Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT_XH, quản lý NN, an ninh QP, bảo đảm xã hội bắt buộc	160.442	1,17%	109.009	0,75%

15	Giáo dục và đào tạo	119.723	0,88%	191.182	1,31%
16	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	64.290	0,47%	90.129	0,62%
17	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	956	0,01%	107.296	0,74%
18	Hoạt động dịch vụ khác	3.401.746	24,88%	4.538.788	31,18%
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình	3.453.822	25,26%	3.327.305	22,86%
<b>Tổng</b>		<b>13.671.099</b>	<b>100%</b>	<b>14.556.951</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của SAIGONBANK 2019)

Cơ cấu cho vay của SAIGONBANK đa dạng ngành nghề, thể hiện sự hài hòa trong các lĩnh vực, phù hợp với chiến lược phát triển của nền kinh tế. Sáu nhóm lĩnh vực cho vay chính năm 2019 là Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Xây dựng; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác; Hoạt động dịch vụ khác; Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tín dụng của SAIGONBANK với tỷ trọng tương ứng cho 6 nhóm ngành này là 6,47%; 8,76%; 9,04%; 7,73%; 31,18%; 22,86%.

**iv. Chất lượng nợ cho vay**

**Bảng 9a: Chất lượng nợ cho vay**

Chỉ tiêu	Loại	31/12/2018		31/12/2019		31/03/2020	
		Dư nợ (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Dư nợ (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Dư nợ (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	13.188.643	96,47 %	14.048.066	96,50%	13.617.436	95,79%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	181.504	1,33%	226.580	1,56%	220.968	1,55%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	33.711	0,25%	36.211	0,25%	123.859	0,87%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	48.994	0,36%	28.250	0,19%	37.679	0,27%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	218.247	1,60%	217.844	1,50%	215.604	1,52%
<b>Tổng dư nợ</b>		<b>13.671.099</b>	<b>100%</b>	<b>14.556.951</b>	<b>100%</b>	<b>14.215.546</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK và BCTC hợp nhất quý I/2020 tự lập

SAIGONBANK luôn tuân thủ việc phân loại nợ đúng và trích lập đầy đủ dự phòng đầy đủ theo quy định. Trong thời gian qua, Ban lãnh đạo SAIGONBANK đã tích cực thực hiện các giải pháp để xử lý nợ xấu và khiến tỷ lệ nợ giảm đáng kể. Các khoản nợ xấu của SAIGONBANK đều có tài sản đảm bảo nên ngân hàng không mất vốn mà sau khi xử lý nợ xấu sẽ tăng thêm thu nhập cho ngân hàng. Chính vì vậy SAIGONBANK vẫn đảm bảo an toàn, hiệu quả; đồng thời vấn đề nợ xấu luôn được SAIGONBANK kiểm soát tốt. Có thể thấy rằng quy mô dư nợ của SAIGONBANK còn khiêm tốn và con số tuyệt đối về nợ xấu của SAIGONBANK so với mặt bằng chung là không lớn.

**Bảng 9b: Dự phòng rủi ro tín dụng**

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		31/03/2020	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Dự phòng chung	1.568	0,46%	5.227	2,65%	-	-

Dự phòng cụ thể	279.740	81,42%	21.791	11,05%	-	-
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	62.284	18,13%	170.222	86,30%	6.596	<b>100%</b>
<b>Tổng</b>	<b>343.592</b>	<b>100%</b>	<b>197.240</b>	100%	<b>6.596</b>	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK và BCTC hợp nhất quý I/2020 tự lập

#### 5.1.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

SAIGONBANK luôn duy trì mối quan hệ với khách hàng truyền thống bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng mới thông qua các mối quan hệ và các phương tiện thông tin đại chúng như: báo chí, truyền hình, internet... để liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các chi nhánh cũng không ngừng tăng cường mở rộng thị phần thanh toán và khai thác tiềm năng tại địa phương của đơn vị. Việc kinh doanh ngoại tệ của đơn vị nhìn chung khá sôi động nhằm cung ứng đủ ngoại tệ cho hoạt động thanh toán, đảm bảo các tỷ lệ an toàn và các biện pháp phòng chống rủi ro theo quy định của NHNN trong kinh doanh ngoại hối. SAIGONBANK đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng, đã triển khai các nghiệp vụ mua bán trao ngay, kỳ hạn. Ngoài ra, SAIGONBANK cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

##### • **Hoạt động thanh toán nội địa**

Doanh số của năm 2017, 2018, 2019 và 31/03/2020 như sau:

- Tổng doanh số thanh toán năm 2017 là 69,25 ngàn tỷ đồng, giảm 2,68% (tương ứng 1,81 ngàn tỷ đồng) so với năm 2016.
- Tổng doanh số thanh toán năm 2018 là 76,07 ngàn tỷ đồng, tăng 9,85% (tương ứng 6,82 ngàn tỷ đồng) so với năm 2017.
- Tổng doanh số thanh toán năm 2019 là 91,86 ngàn tỷ đồng, tăng 20,75% (tương ứng 15,78 ngàn tỷ đồng) so với năm 2018.
- Tổng doanh số thanh toán đến 31/03/2020 là 20,99 ngàn tỷ đồng, tăng 2,94% (tương ứng 0,6 nghìn tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.

##### • **Hoạt động thanh toán quốc tế**

Doanh số thanh toán quốc tế năm 2018 (bằng USD và ngoại tệ quy đổi) là 355,06 triệu USD, tăng 45 triệu USD (tương ứng tăng 14,51% %) so với năm 2017.

**Bảng 10: Tình hình doanh số thanh toán quốc tế và thanh toán ngoại tệ**

Khoản mục	2017	2018	2019	Quý I/2020
Doanh số thanh toán quốc tế (triệu USD)	310,16	355,18	358,09	59,32
Doanh số kinh doanh ngoại tệ (triệu USD)	177,23	645,75	1.235,62	702,08

(Nguồn: SAIGONBANK)

##### • **Hoạt động kinh doanh ngoại tệ**

Doanh số mua bán ngoại tệ (quy ra USD) cả năm 2018 đạt 495,76 triệu USD, tăng 318,53 triệu USD (tương ứng tăng 179,73%) so với năm 2017.

Doanh số mua bán ngoại tệ (quy ra USD) cả năm 2019 đạt 1.235,62 triệu USD, tăng 589,87 triệu USD (tương ứng tăng 91,35%) so với năm 2018.

##### • **Hoạt động kinh doanh thẻ**



**Bảng 11 : Số lượng thẻ SAIGONBANK đã phát hành (số thẻ cộng dồn)**

Loại thẻ	Đơn vị: Thẻ		
	2017	2018	2019
Thẻ tín dụng	-	-	-
Thẻ ghi nợ quốc tế	-	-	-
Thẻ ghi nợ nội địa (Thẻ đa năng)	17.939	14.949	15.774
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.939</b>	<b>14.949</b>	<b>15.774</b>

(Nguồn: SAIGONBANK )

**Bảng 12 : Doanh số sử dụng thẻ do SAIGONBANK phát hành**

Loại thẻ	Đơn vị: Tỷ đồng		
	2017	2018	30/09/2019
Thẻ tín dụng	-	-	-
Thẻ ghi nợ quốc tế	-	-	-
Thẻ ghi nợ nội địa (Thẻ đa năng)	3.396	4.267	2.802
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.396</b>	<b>4.267</b>	<b>2.802</b>

#### **5.1.5 Hoạt động ngân hàng đại lý**

Đến 31/03/2020, SAIGONBANK đã có quan hệ với 651 ngân hàng đại lý tại 75 quốc gia trên thế giới. SAIGONBANK thiết lập quan hệ đại lý với các ngân hàng tại các thành phố trọng điểm ở các quốc gia mà các doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ thương mại. Số ngân hàng đại lý của Ngân hàng không ngừng tăng lên qua các năm.

Hiện nay SAIGONBANK là đại lý thanh toán thẻ Visa, Master Card, JCB, ... và là đại lý chuyển tiền kiều hối MoneyGram. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, SAIGONBANK thường xuyên đổi mới, mở rộng mối quan hệ với các ngân hàng ở nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng hoạt động của Ngân hàng trong lĩnh vực đối ngoại.

#### **5.1.6 Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (SGFC)**

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản là công ty con của ngân hàng với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ. Việc thành lập Công ty được sự chấp thuận của NHNN Việt Nam theo Công văn số 1501/NHNN-CN và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000033 ngày 24/12/2001.

Trụ sở chính của Công ty tại số 38 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 4114008587 ngày 19/7/2002.

Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản là công ty trực thuộc đầu tiên của SAIGONBANK, chính thức đi vào hoạt động ngày 01/03/2002.

Lợi nhuận trước thuế Công ty Quản lý Khai thác tài sản năm 2018 là 4,43 tỷ đồng, tăng 9,72% (tương ứng 0,39 tỷ đồng) so với năm 2017.

#### **5.1.7 Hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh:**

Với việc tham gia góp vốn đầu tư dài hạn vào các công ty có tiềm năng đã góp phần đem lại cho SAIGONBANK tăng thêm lợi nhuận hàng năm. SAIGONBANK đã tham gia góp vốn và nắm giữ cổ

phiếu dài hạn vào các Công ty với tổng số vốn góp ban đầu 125.655 triệu đồng, tương ứng với 4,08% vốn điều lệ Saigonbank và Giá trị khoản đầu tư này tính đến thời điểm 31/12/2019 còn lại là 99.347 triệu đồng, tương ứng với 3,23% vốn điều lệ Saigonbank

**Bảng 13 : Tình hình góp vốn liên kết, liên doanh tại thời điểm 31/12/2019**

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Đơn vị góp vốn	Giá gốc	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào các tổ chức tín dụng</b>			
	Ngân hàng TMCP Bản Việt	71.776	71.776	2,48%
<b>II</b>	<b>Đầu tư vào doanh nghiệp khác</b>			
1	CTCP Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	18.379	18.379	10,98%
2	CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam	2.000	2.000	0,64%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SAIGONBANK Berjaya	33.000	33.000	11%
4	Quỹ bảo lãnh tín dụng của các Doanh nghiệp vừa và nhỏ	500	500	0,22%
<b>III</b>	<b>Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn</b>	-		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán SAIGONBANK Berjaya	-	(26.308)	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>125.655</b>	<b>99.347</b>	

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK*

## 5.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản trị rủi ro là một trong các vấn đề cốt lõi được SAIGONBANK đặc biệt quan tâm. Các loại rủi ro trong hoạt động ngân hàng được chia thành các loại chính như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về ngoại hối), rủi ro trong vận hành và các loại rủi ro khác. Nhằm hạn chế tối thiểu rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT đã và đang tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm nắm bắt kịp thời những rủi ro vừa phát sinh để có biện pháp xử lý phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các số liệu báo cáo trong thời gian qua, Ban điều hành Ngân hàng cùng các phòng ban chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế ở mức thấp nhất những rủi ro có khả năng phát sinh.

Các văn bản áp dụng trong việc phòng chống rủi ro theo quy định của NHNN:

- Thông Tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 của Thống đốc NHNN quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
- Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.
- Quyết định 18/2007/QĐ – NHNN ngày 25/04/2007 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005.

## 5.3 Thị trường hoạt động

### 5.3.1 Mạng lưới Chi nhánh

Đến 31/12/2019, mạng lưới hoạt động của SAIGONBANK bao gồm Hội sở, 33 chi nhánh, 55 phòng giao dịch, 01 trung tâm kinh doanh thẻ và 01 công ty con. Các chi nhánh tập trung tại các thành phố lớn của khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên. SAIGONBANK đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm chi nhánh tại các Tỉnh/Thành Phố trọng điểm của cả nước để mở rộng mạng lưới phục vụ, kết hợp mạng lưới chi nhánh truyền thống với hệ thống ATM hiện đại.

Để đẩy mạnh khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, SAIGONBANK luôn đề ra mục tiêu, chiến lược phân đấu, cạnh tranh nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng cho chính mình. Việc mở rộng chi nhánh, tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm dịch vụ của SAIGONBANK đến nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng luôn được Ban điều hành Ngân hàng quan tâm.

### **5.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**

Thông qua mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty trực thuộc và 651 ngân hàng đại lý tại 75 quốc gia trên toàn thế giới, SAIGONBANK cung cấp các dịch vụ ngân hàng đến khách hàng là các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp và các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước.

Sau 32 năm hoạt động, ngoài việc đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng có chất lượng, phù hợp với nhu cầu khách hàng, mở rộng mạng lưới hoạt động... với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, SAIGONBANK còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các cá nhân, công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài... hoạt động trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.

Trong thời gian tới, theo xu thế phát triển và hội nhập của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và thế giới, SAIGONBANK sẽ liên tục đổi mới hoạt động: cung ứng thêm nhiều sản phẩm dịch vụ, thay đổi phong cách phục vụ, ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, mở rộng mạng lưới hoạt động, hướng tới phục vụ khách hàng bằng những sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại với chất lượng tốt nhất dựa trên nền tảng công nghệ ngân hàng tiên tiến... nhằm thực hiện thành công mục tiêu là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần mạnh trong hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần.

### **5.3.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Tính đến năm 2019, hệ thống ngân hàng thương mại ở Việt Nam chia thành các nhóm sau:

- Ngân hàng thương mại Nhà nước: Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).
- Ngân hàng chính sách: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Ngân hàng TMCP: Các ngân hàng lớn và có uy tín trong nhóm này như Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Incombank), Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)...

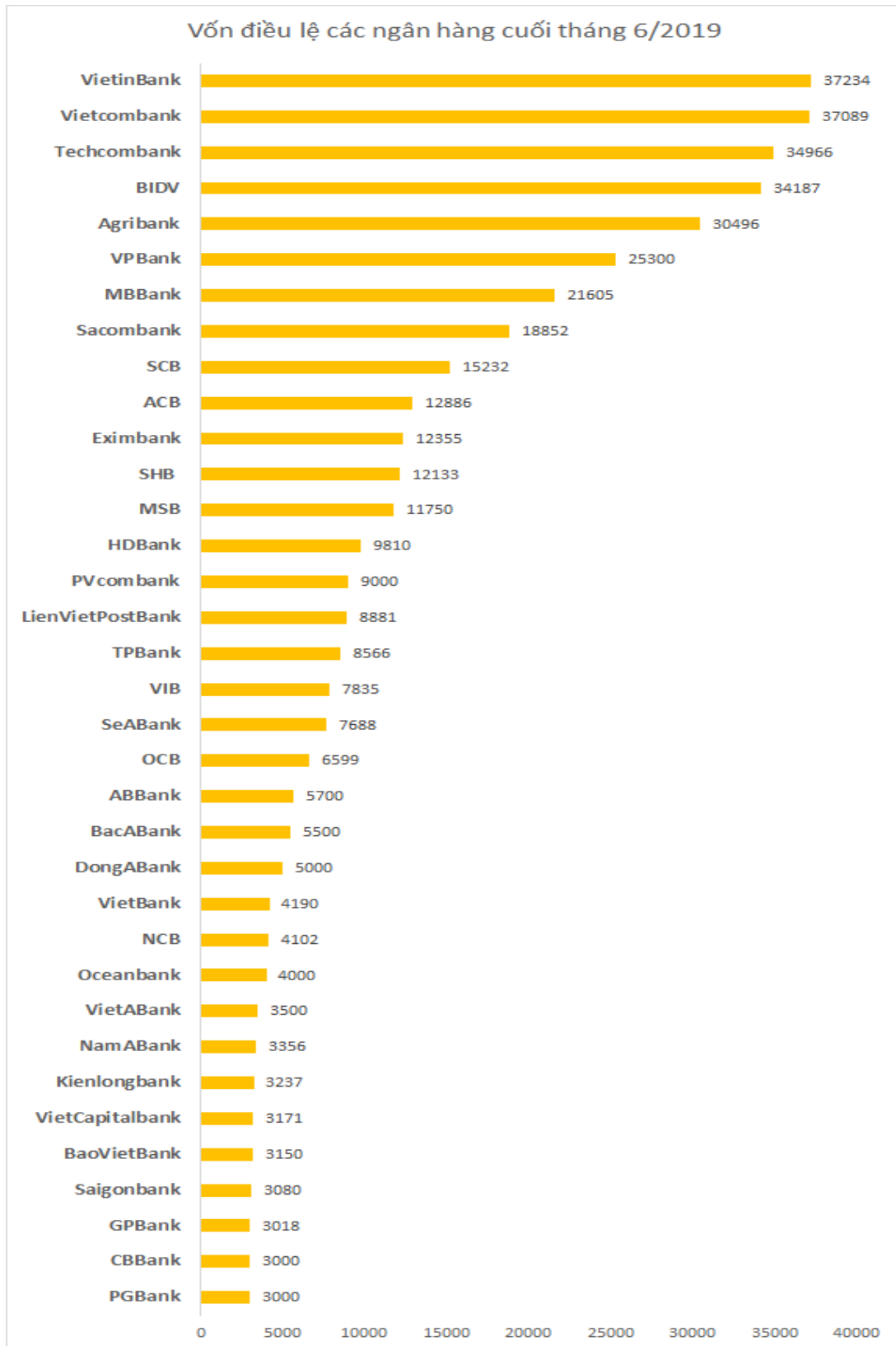
- Ngân hàng liên doanh: Vinasiam Bank (liên doanh giữa NH Nông nghiệp và Thai Farmers Bank), Indovina (liên doanh giữa Incombank và Indonesian BDNI), Shinhan VinaBank (liên doanh giữa Vietcombank và Ngân hàng Hàn quốc), VID Public Bank (liên doanh giữa BIDV và Public Bank Malaysia)...
- Chi nhánh của các ngân hàng nước ngoài: là chi nhánh của các ngân hàng lớn trên thế giới như Citibank, Australia & New Zealand Banking Group (ANZ), Hongkong & Shanghai Banking Corporation (HSBC), Deutsche Bank, JP Morgan Chase Bank...
- Quỹ tín dụng nhân dân và HTX, văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

Mạng lưới của các ngân hàng ngày càng phát triển dày đặc, phân bố khắp các tỉnh thành trong cả nước nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng. Chính vì vậy, các ngân hàng không ngừng hoàn thiện chính mình để khẳng định vị trí thương hiệu trên thị trường, tạo ấn tượng tốt trong sự lựa chọn của mỗi khách hàng.

Nằm trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần, SAIGONBANK phải cạnh tranh với các ngân hàng thương mại cổ phần khác như: ACB, Sacombank, Eximbank, EAB, Phương Nam..., các ngân hàng thương mại quốc doanh, các ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam và các ngân hàng liên doanh. Các ngân hàng này có thể mạnh về vốn, trang thiết bị hiện đại, mạng lưới chi nhánh phủ kín các tỉnh thành trong cả nước.

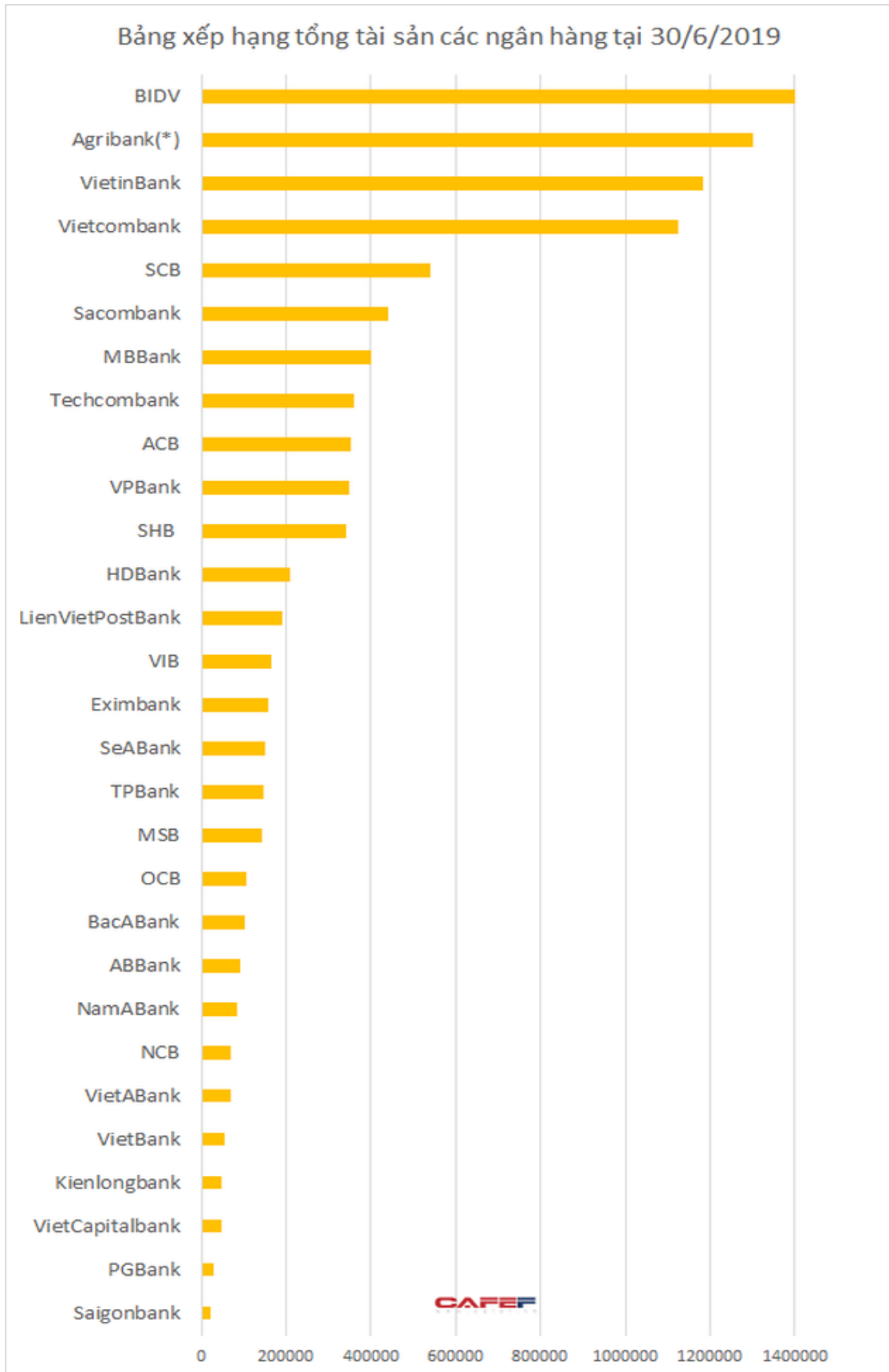
**Biểu đồ 4: Bảng xếp hạng vốn điều lệ của 35 ngân hàng thương mại Việt Nam**

Đơn vị tính: Tỷ đồng



(Nguồn: Theo Trí thức trẻ)

**Biểu đồ 5: Bảng xếp hạng Tổng tài sản các Ngân hàng thương mại Việt Nam**



*Nguồn: Theo Trí thức trẻ*



**5.3.4 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện:**

Không có

**6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất**

**6.1 Kết quả hoạt động kinh doanh của SAIGONBANK**

**Bảng 14a: Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của SAIGONBANK**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm 2019 so 2018	Quý I/2020
Tổng tài sản	20.983.087	23.420.608	11,62%	20.917.086
Vốn điều lệ	3.080.000	3.080.000	0,00%	3.080.000
Vốn chủ sở hữu	3.434.544	3.560.879	3,68%	3.613.970
Thu nhập lãi thuần	656.318	725.995	10,62%	152.059
Lãi/lỗ thuần từ HĐ dịch vụ	42.974	47.195	9,82%	8.207
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	24.841	11.589	-53,35%	7.451
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD và đầu tư chứng khoán	0	0	0%	0
Thu từ góp vốn mua cổ phần	0	0	0%	0
Lãi/lỗ thuần từ HĐ khác	115.046	73.446	-36,16%	8.324
Tổng chi phí HĐKD	449.103	486.328	8,29%	133.408
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	395.225	377.316	-4,53%	42.593
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	343.592	197.240	-42,59%	6.596
Lợi nhuận trước thuế	51.633	180.076	248,76%	49.189
Thuế TNDN	10.002	35.454	254,47%	4.491
Lợi nhuận sau thuế	41.631	144.622	247,39%	44.698
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	135	470	248,15%	145
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	11.151	11.561	3,68%	11.734
Hệ số an toàn vốn (CAR)	17,11%	14,23%	-16,83%	14,95%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK và BCTC riêng Quý I/2020 tự lập)

**Bảng 14b: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của SAIGONBANK**

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm 2019 so 2018	Quý I/2020
Tổng tài sản	20.373.555	22.812.835	11,97%	20.308.333
Vốn điều lệ	3.080.000	3.080.000	0,00%	3.080.000
Vốn chủ sở hữu	3.434.871	3.561.206	3,68%	3.613.465
Thu nhập lãi thuần	660.555	732.301	10,86%	152.490
Lãi/lỗ thuần từ HĐ dịch vụ	42.974	44.031	2,46%	7.680
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	24.841	11.589	-53,35%	7.451
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD và đầu tư chứng khoán	-	-	-	(40)
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	1.608	1.408	-12,44%	0
Lãi/lỗ thuần từ HĐ khác	115.235	75.426	-34,55%	7.588
Tổng chi phí HĐKD	449.103	486.328	8,29%	133.408
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	396.110	378.427	-4,46%	41.761
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	343.592	197.240	-42,59%	(6.596)
Lợi nhuận trước thuế	52.518	181.187	245,00%	48.357
Thuế TNDN	10.887	36.565	235,86%	4.491
Lợi nhuận sau thuế	41.631	144.622	247,39%	43.866
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	135	470	248,15%	142
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	11.152	11.562	3,68%	11.732
Hệ số an toàn vốn (CAR)	22,16%	18,39%	-17,01%	17,13%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK và BCTC Quý I/2020 hợp nhất tự lập)

**Bảng 15: Bảng so sánh tình hình thực hiện năm 2019 so với kế hoạch 2019 và thực hiện năm 2018**

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu (Hợp nhất)	Thực hiện Năm 2018	Năm 2019			
			Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	Tỷ lệ TH 2019/2018 (%)	Tỷ lệ TH/KH 2019
1	Tổng Tài sản	20.374	22.440	22.813	11,97%	101,66%
2	Huy động	16.635	18.940	18.887	13,54%	99,72%
3	Cho vay	13.771	15.150	15.057	9,34%	99,39%
4	Lợi nhuận trước thuế	53	200	181	241,51%	90,5%

(Nguồn: SAIGONBANK)

Nhìn chung hoạt động của SAIGONBANK năm 2019 ổn định, thanh khoản được đảm bảo an toàn.

- Các chỉ tiêu hoạt động năm 2019 hầu hết đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2019 giao. Đây là thành công lớn để tạo tiền đề cho sự phát triển của SAIGONBANK trong những năm tiếp theo.
- Đến 31/12/2019, nợ xấu chỉ chiếm 1,87% tổng dư nợ (quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là dưới 2%), giảm 0,23 điểm phần trăm so với 31/12/2018.
- Triển khai thành công ứng dụng SAIGONBANK Smart Banking, chuyên tiện nhanh 24/7 đến ngân hàng khác, thanh toán bằng ví điện tử Moca, liên kết với các ví điện tử ZaloPay, ViettelPay đối với thẻ SAIGONBANK.
- Hoạt động tín dụng được kiểm soát chặt về chất lượng, phù hợp với sự tăng trưởng nguồn vốn; cơ cấu tín dụng tiếp tục được điều chỉnh theo hướng tập trung phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà trọng tâm là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các đơn vị chủ lực của thành phố, các đơn vị có tham gia đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và chương trình kích cầu đầu tư của thành phố.
- Tổ chức kiện toàn hệ thống nhân sự, cùng với việc quy hoạch - đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Trong những khó khăn chung của nền kinh tế, bằng nhiều giải pháp tích cực, SAIGONBANK đã thực hiện trích lập đúng và đủ dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN Việt Nam, đảm bảo nợ xấu dưới mức quy định của NHNN Việt Nam.
- Năm 2019 lợi nhuận trước thuế tăng mạnh 241,51% so với năm 2018 nguyên nhân chủ yếu do Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2019 giảm hơn 146,35 tỷ đồng, tương ứng giảm 42,59% so với năm 2018.

## 6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo tài chính 2019

### ♦ Thuận lợi:

- Dự án Corebanking đã tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh và quản trị rủi ro của ngân

hàng.

- Việc rà soát, đánh giá lại các khoản nợ hiện có, nhận diện các rủi ro để xây dựng và triển khai thực hiện quyết liệt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 1058/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã tạo điều kiện để sàng lọc khách hàng tốt, truyền thông trong toàn hệ thống, đồng thời tạo điều kiện để cơ cấu lại nguồn vốn và tài sản ngân hàng theo hướng bền vững.
- Hoạt động ngân hàng năm 2019 tuy không tăng trưởng về quy mô nhưng thực chất là tăng trưởng theo chiều sâu trên các mặt: cơ cấu nguồn vốn, khách hàng, mạng lưới Phòng Giao dịch, củng cố hoạt động các Chi nhánh,... Tất cả các nguồn lực của ngân hàng (nhân sự, chi nhánh, nguồn vốn,...) được bảo toàn, ổn định.
- Mặc dù áp dụng các biện pháp hành chính để củng cố, chấn chỉnh hoạt động, kèm chế tăng trưởng tín dụng nóng,... nên năm 2019 SAIGONBANK có kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch nhưng tiềm lực phát triển của SAIGONBANK vẫn còn và đây là yếu tố thuận lợi để tăng trưởng trong những năm tiếp theo.

❖ Khó khăn:

- Quy mô vốn nhỏ là một trong những rào cản lớn nhất hạn chế hoạt động của ngân hàng.
- Thu nhập chính của SAIGONBANK là từ hoạt động tín dụng; Do đó, chênh lệch lãi suất đầu vào - ra trong hoạt động ngân hàng ngày càng thu hẹp nên thu nhập từ hoạt động tín dụng không còn cao như những năm trước đây.
- Áp lực chi trả cổ tức gia tăng sau khi SAIGONBANK tăng đủ vốn lên 3.080 tỷ trong khi hiệu quả hoạt động sụt giảm do ảnh hưởng một số chính sách của Ngân hàng Nhà nước trong quản lý chính sách tiền tệ, kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, tỷ giá,...
- Việc ban hành, chuẩn hóa các quy định ngân hàng theo chuẩn mực Quốc tế trong quản lý an toàn hoạt động các Tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ tiếp tục hạn chế hoạt động SAIGONBANK trên một số mặt hoạt động như tỷ lệ cho vay trung dài hạn, quy định vốn trong thành lập chi nhánh, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu,...

## 7. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành

### 7.1 *Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng:*

#### 7.1.1 Những cơ hội

- Việc mở cửa, giao lưu kinh tế, mở rộng quan hệ quốc tế trên cơ sở đôi bên cùng có lợi là cơ sở cho sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. Chính sự phát triển kinh tế sẽ tạo cơ hội phát triển cho ngành ngân hàng nói chung và SAIGONBANK nói riêng.
- Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ buộc các ngân hàng phải hoạt động theo nguyên tắc kinh tế thị trường và công khai minh bạch hơn. Mở cửa thị trường tài chính trong nước sẽ gây những tác động ảnh hưởng và dẫn đến quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, phân chia lại thị trường giữa các nhóm ngân hàng theo hướng cân bằng hơn. Nâng cao tính cạnh tranh và kỷ luật thị trường trong hoạt động ngân hàng sẽ khuyến khích tạo ra những ngân hàng có qui mô lớn, tài chính lành mạnh và kinh doanh hiệu quả; các ngân hàng kinh doanh yếu kém sẽ bị đào thải hoặc phải vươn lên, nếu muốn tồn tại. Do vậy, khả năng cạnh tranh của các ngân hàng sẽ được nâng cao, bởi cơ hội liên kết hợp tác với các đối tác trong chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm và khai thác

thị trường. Qua đó, uy tín, vị thế của hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ được nâng lên, ít nhất là trên thị trường khu vực và sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực tài chính, khơi thông dòng vốn, các doanh nghiệp và các ngân hàng trong nước có khả năng huy động các nguồn vốn từ thị trường tài chính quốc tế và sử dụng vốn có hiệu quả hơn để giảm thiểu rủi ro và các chi phí cơ hội.

- Ngoài ra, mở cửa thị trường tài chính sẽ dẫn đến sự có mặt của các ngân hàng nước ngoài, từ đó thúc đẩy cho thị trường tài chính phát triển ổn định vững mạnh và tiến dần theo đúng chuẩn mực quốc tế.
- Hoạt động của các ngân hàng trong nước: cạnh tranh buộc các ngân hàng trong nước phải thúc đẩy việc cải cách trong quản lý của mỗi ngân hàng và toàn bộ hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng trong nước, một mặt, phải giải quyết những tồn tại, yếu kém; tăng cường việc áp dụng các quy định theo đúng chuẩn mực quốc tế vào quản lý; mặt khác, phải đẩy nhanh việc xây dựng nền tảng, tạo năng lực cạnh tranh và nâng cao năng lực quản trị điều hành.

### 7.1.2 Những thách thức

Theo phân tích, đánh giá những cơ hội - thách thức, ngành ngân hàng trong những năm tới tiếp tục phát triển với những đặc điểm sau:

- Nền kinh tế tăng trưởng chậm lại và duy trì tốc độ phát triển như hiện nay trong vài năm tới theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế. Nền kinh tế VN nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng sẽ hội nhập ngày càng sâu rộng hơn với nền kinh tế thế giới.
- VN đang là một địa chỉ đầy hấp dẫn đối với các nhà ĐTNN. Vốn ĐTNN đang và sẽ tiếp tục chảy mạnh vào VN.
- Nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là dịch vụ ngân hàng quốc tế đang còn rất nhiều tiềm năng phát triển và ngày càng gia tăng mạnh mẽ.
- Nhu cầu phát triển các dịch vụ ngân hàng được hỗ trợ theo các yếu tố phát triển của nền kinh tế như:
  - Cơ cấu dân cư, sự gia tăng các khu công nghiệp, khu đô thị mới.
  - Số lượng doanh nghiệp gia tăng mạnh mẽ.
  - Thu nhập của người dân Việt Nam đang dần tăng lên, sử dụng các dịch vụ ngân hàng đang dần trở thành thói quen.
  - v.v...
- Khung pháp lý đang được hình thành đồng bộ, từng bước hoạt động theo chuẩn mực quốc tế nhằm đảm bảo an toàn hệ thống, tạo điều kiện cạnh tranh lành mạnh và minh bạch, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập tốt với quốc tế.
- Hội nhập sẽ gia tăng cơ hội liên kết, hợp tác nên từ đó ngành Ngân hàng có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn vốn, chuyên gia công nghệ, kỹ năng quản trị, phát triển sản phẩm và khai thác thị trường, tiếp cận các thị trường mới, các nhóm khách hàng có mức độ rủi ro thấp.
- Sự phát triển của những định chế tài chính phi ngân hàng cũng sẽ là yếu tố cộng hưởng cho sự phát triển của lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Các chính sách thuộc các lĩnh vực khác cũng có những ảnh hưởng tác động nhất định đến sự phát triển của ngành ngân hàng.
- Các ngân hàng thương mại vẫn là các tổ chức cung cấp nguồn vốn chính cho nền kinh tế cho dù có thể giảm dần do các kênh dẫn vốn khác (thị trường chứng khoán, đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp) được mở rộng hơn.

- Các khách hàng lớn sẽ bắt đầu sử dụng các dịch vụ phòng ngừa rủi ro chất lượng cao của ngân hàng.
- Thị trường vốn trong nước được xây dựng hoàn chỉnh hơn. Tiến trình cổ phần hóa sẽ mở rộng nguồn hàng trên thị trường chứng khoán. Thị trường này sẽ dần đóng vai trò tích cực trong chuyên giao luồng vốn trực tiếp từ nhà đầu tư phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thông tin tài chính của doanh nghiệp dần trở nên công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các ngân hàng trong việc đánh giá chất lượng khách hàng và ra các quyết định đầu tư.
- Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức của ngân hàng được chuyển đổi dần cùng với quá trình hiện đại hóa công nghệ và hệ thống thanh toán. Quy mô các chi nhánh sẽ từng bước được thu gọn và tiêu chuẩn hóa những năng lực phục vụ được nâng cao rõ rệt.
- Cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ hơn nên buộc các ngân hàng phải hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Chiến lược trọng tâm của các ngân hàng sẽ là đầu tư mạnh cho công nghệ thông tin và tăng quy mô vốn điều lệ nhằm tăng cường sức cạnh tranh trên các mặt công nghệ và tài chính.
- Các ngân hàng TMCP Việt Nam sẽ bán tối đa cổ phần được phép cho các ngân hàng lớn, có tên tuổi của nước ngoài nhằm kêu gọi các ngân hàng nước ngoài tham gia hợp tác với tư cách là đối tác chiến lược để hỗ trợ các ngân hàng trong nước về đầu tư đối với công nghệ, quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, phát triển nguồn nhân lực...

## 7.2 Lợi thế của SAIGONBANK

- **Về năng lực tài chính:** vốn điều lệ tại thời điểm hiện nay là 3.080 tỷ đồng. Với mức vốn điều lệ trên, SAIGONBANK không ngừng nỗ lực tăng cường năng lực tài chính cho Ngân hàng. Trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại và mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng tại các Tỉnh, Thành phố lớn trên cả nước.
- **Mạng lưới hoạt động:** Đến tháng 06/2020, mạng lưới hoạt động của SAIGONBANK bao gồm Hội sở, 33 chi nhánh, 55 phòng giao dịch, 01 trung tâm kinh doanh thẻ và 01 công ty con. Các chi nhánh tập trung tại các thành phố lớn của khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên, SAIGONBANK đang tiếp tục mở rộng mạng lưới các chi nhánh đến các tỉnh thành trên cơ sở tăng vốn điều lệ. Ngân hàng nhắm đến mục tiêu tăng khả năng tiếp cận của khách hàng với ngân hàng và cạnh tranh với các ngân hàng khác nhằm khẳng định tên tuổi SAIGONBANK trong sự lựa chọn của mỗi khách hàng.
- **Quy mô hoạt động KD:** Quý 1/2020 (đến 31/03/2020), tình hình hoạt động Ngân hàng như sau:
  - Tổng nguồn vốn huy động: 16.338.197 triệu đồng.
  - Dư nợ tín dụng: 14.375.546 triệu đồng.
  - Lợi nhuận sau thuế: 43.866 triệu đồng.

Đạt được kết quả hoạt động kinh doanh như trên là do sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Ngân hàng. SAIGONBANK luôn đề ra chỉ tiêu năm sau cao hơn năm trước làm mục tiêu phấn đấu.

- **Nguồn nhân lực:** Ban điều hành của Ngân hàng là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị tài chính – ngân hàng. Đội ngũ CBCNV hầu hết là những nhân viên trẻ tuổi, năng động, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, luôn gắn bó với sự phát triển của Ngân hàng, có thái độ phục vụ khách hàng nhiệt tình, thân thiện.
- **Hệ thống công nghệ thông tin:** nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin



trong xu thế toàn cầu hóa, SAIGONBANK đã triển khai đổi mới hệ thống Core Banking nhằm mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử và ngân hàng hiện đại khác, từng bước hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới.

- **Hệ thống kiểm tra nội bộ:** hệ thống kiểm tra nội bộ được tổ chức xuyên suốt trong toàn hệ thống với những nhân viên đã có kinh nghiệm, thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các quy trình, quy chế của NHNN và Ngân hàng, qua đó có các đánh giá độc lập, khách quan về hoạt động của từng đơn vị trong toàn hệ thống và có các kiến nghị chỉnh sửa cụ thể nhằm hạn chế những rủi ro phát sinh ở mức thấp nhất và tăng tối đa hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

### 7.3 **Đánh giá về sự phù hợp định hướng:**

#### 7.3.1 Định hướng phát triển ngành NH đến năm 2020:

##### ♦ Định hướng:

Tập trung hoàn thiện thể chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ. Điều hành chính sách tiền tệ một cách thận trọng và linh hoạt theo nguyên tắc thị trường, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng, kiềm chế lạm phát do Quốc hội đề ra. Ổn định thị trường ngoại hối, thị trường vàng trong nước. Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng công tác thống kê, dự báo tiền tệ và cán cân thanh toán Quốc tế. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt. Kiểm soát chặt chẽ nợ quá hạn, đảm bảo an toàn hệ thống các Tổ chức tín dụng.

##### ♦ Mục tiêu điều hành:

Lãi suất và tỷ giá được điều hành ở mức hợp lý phù hợp với các cân đối kinh tế vĩ mô, đảm bảo ổn định hoạt động và an toàn hệ thống.

##### ♦ Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm:

- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung quy định về tiền tệ và hoạt động ngân hàng phù hợp các cam kết hội nhập và mở cửa thị trường tài chính, đặc biệt là quy định về đảm bảo an toàn hệ thống và quản lý ngoại hối.
- Điều hành lãi suất, tỷ giá chủ động, linh hoạt và thận trọng nhằm ổn định thị trường tiền tệ, bảo đảm khả năng thanh khoản của từng tổ chức tín dụng và cả hệ thống ngân hàng.
- Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển thị trường ngoại hối: tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất, nâng cao hiệu quả điều tiết của Ngân hàng Nhà nước, phát triển các công cụ trên thị trường ngoại hối để các thành viên tham gia thị trường có thể lựa chọn để chủ động phòng ngừa rủi ro.
- Theo dõi, giám sát chặt chẽ và dự báo kịp thời diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính tiền tệ trong nước và quốc tế để có chính sách, giải pháp thích hợp trong điều hành hoạt động ngân hàng và xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.
- Mở rộng tín dụng phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô, tiếp tục chỉ đạo các Tổ chức tín dụng cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn theo hướng an toàn, bền vững, hỗ trợ tích cực cho quá trình cơ cấu lại nền kinh tế.
- Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng.
- Phát triển vững chắc và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ chức tín dụng, đảm bảo an toàn hệ thống.
- Tiếp tục triển khai Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006-2010 và định hướng 2020.

- Tăng cường hoạt động đối ngoại nhằm thu hút các nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập.

**7.3.2 Định hướng phát triển của SGCTNH đến năm 2020:**

- Tiếp tục củng cố các hoạt động ngân hàng theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và thông lệ Quốc tế, tăng trưởng trên cơ sở phát triển bền vững:
- Duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, cân đối giữa huy động - cho vay và tận dụng cơ hội để tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững.
- Bảo đảm khả năng thanh khoản trong mọi tình huống để duy trì ổn định hoạt động ngân hàng.
- Loại trừ và không chế nợ xấu ở mức thấp nhất và trong giới hạn cho phép.
- Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ theo kịp yêu cầu quản lý điều hành của Ban lãnh đạo Ngân hàng trong từng thời kỳ phù hợp với chủ trương quản lý điều hành của Ngân hàng Nhà nước và Chính Phủ.
  - Tiếp tục củng cố hoạt động các chi nhánh theo hướng phát triển bền vững.
  - Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống công nghệ lõi của ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm dịch vụ triển khai dựa trên nền tảng hệ thống công nghệ hiện đại.
  - Phát triển thêm mạng lưới chi nhánh khi hội đủ các điều kiện quy định của Ngân hàng Nhà nước.
  - Thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá thương hiệu SAIGONBANK.

**7.3.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới:**

Định hướng phát triển của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương được xây dựng dựa trên Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã được Quốc hội thông qua, định hướng phát triển chiến lược ngành ngân hàng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nên hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, của Chính Phủ và xu thế phát triển chung của thế giới.

**8. Chính sách đối với người lao động**

**8.1 Số lượng người lao động trong Ngân hàng:**

**8.1.1 Theo cấp quản lý**

**Bảng 16: Số lượng lao động phân theo cấp quản lý**

Theo cấp quản lý	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
	(người)	(người)	(người)
Tổng CB-CNV, trong đó:	<b>1.460</b>	<b>1.429</b>	<b>1.418</b>
- Cán bộ quản lý	341	346	348
- Nhân viên	1.119	1.083	1.070

(Nguồn: SAIGONBANK)

**8.1.2 Theo trình độ học vấn**

**Bảng 17: Số lượng lao động phân theo trình độ học vấn**

Trình độ học vấn	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
	(người)	(người)	(người)
Trên đại học, đại học	1.020	999	993
Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	141	132	133
Khác	299	298	292
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.460</b>	<b>1.429</b>	<b>1.418</b>

(Nguồn: SAIGONBANK)

## 8.2 Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác

Trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn mà ngành ngân hàng được xem là ngành đầu tàu đánh giá sự phát triển của một đất nước, sự cạnh tranh sẽ diễn ra vô cùng gay gắt, đặc biệt là sự cạnh tranh về nguồn nhân lực, nên khi nước ta hội nhập khu vực và thế giới, đòi hỏi SAIGONBANK phải có một nguồn nhân lực (nội lực) mạnh mẽ và vững vàng. Chính vì vậy, hằng năm SAIGONBANK đều có những chương trình đào tạo, chính sách lương, thưởng, đãi ngộ .... để phát triển nguồn nhân lực đồng thời tuyển dụng những lao động trẻ, năng động, có khả năng đáp ứng nhu cầu công việc, mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển và hội nhập trong thời gian tới.

### 8.2.1 Chính sách đào tạo

Trong nền kinh tế tri thức, đóng góp vào sự thành công của một doanh nghiệp không thể không kể đến yếu tố quyết định đó là con người. Nhận thức được điều này, Ngân hàng luôn coi trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng. Bên cạnh việc phát triển các mảng hoạt động nghiệp vụ, HĐQT và Ban điều hành của Ngân hàng không ngừng quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực, thông qua các chương trình đào tạo chuyên ngành trong và ngoài nước, tạo điều kiện cập nhật kiến thức quản trị rủi ro của ngân hàng hiện đại cho đội ngũ cán bộ điều hành nhằm nâng cao chất lượng về trình độ quản lý, nghiệp vụ. Mục tiêu xuyên suốt của chính sách đào tạo là xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ngân hàng đều được chú ý, tuyển chọn và đào tạo đảm bảo cho sự phát triển nguồn nhân lực lâu dài của Ngân hàng.

### 8.2.2 Chính sách lương

Như đã đề cập ở trên, con người là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó muốn giữ được con người nhất là người giỏi, người có trình độ, quan trọng nhất có thể nói đến đó là chính sách đãi ngộ hay cụ thể là chính sách tiền lương. Tiền lương CBCNV Ngân hàng được hưởng theo hợp đồng lao động đã ký kết, ngoài ra CBCNV còn được: lương kinh doanh theo quy định của HĐQT từ 5% lãi gộp, phụ cấp trách nhiệm (đối với chức vụ lãnh đạo).

Theo định kỳ đến hạn nâng lương, CBCNV sẽ được Ngân hàng xem xét nâng lương đúng hạn, đối với CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao sẽ được xem xét nâng lương trước

hạn. Khi CBCNV học văn bằng cao hơn cũng sẽ được nâng lương trước hạn.

**Bảng 18: Tình hình thu nhập của CBCNV qua các năm**

<b>Thu nhập của CBCNV</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10	13	13

(Nguồn: SAIGONBANK)

### 8.2.3 Chính sách thưởng

Hàng năm, tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh, CBCNV của Ngân hàng sẽ được thưởng 01 tháng lương bổ sung vào cuối năm tài chính.

Ngoài tiền lương hàng tháng, căn cứ vào kết quả hoạt động, số dư các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, CBCNV cũng sẽ được xét thưởng theo kết quả xếp loại A, B, C vào các dịp Lễ, Tết nhằm khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác và tăng thêm thu nhập cho CBCNV.

### 8.2.4 Chính sách đãi ngộ

Ngoài chính sách lương thưởng theo chế độ, hàng năm trong các đợt tăng vốn điều lệ, HĐQT và BTGD đều có chính sách ưu đãi đối với người lao động như: bán ưu đãi cổ phần cho CBCNV, thành viên HĐQT, BKS, thư ký HĐQT các nhiệm kỳ theo giá bán ưu đãi. Đây là nguồn thu nhập chính đáng cho CBCNV và Ban quản trị điều hành và là nguồn động viên khích lệ tinh thần làm việc của người lao động cũng như gắn bó quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển hoạt động của SAIGONBANK.

Ngoài ra, để thu hút nguồn lao động giỏi từ bên ngoài về làm việc tại Ngân hàng cũng được Ban điều hành chú trọng và đối với nguồn lao động này, Ban điều hành cũng thành lập Quỹ phát triển nguồn nhân lực, với nguồn cổ phiếu trích mua hàng năm, để bán ưu đãi cho các nhân sự về công tác tại Ngân hàng theo từng đơn vị công tác.

### 8.2.5 Chính sách trợ cấp

Ngân hàng thực hiện chính sách đối với CBCNV theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể CBCNV. CBCNV của Ngân hàng được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận: trợ cấp bữa ăn giữa ca, chi phí đồng phục, được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, các chế độ cho việc thai sản, ốm đau, tử tuất, tham quan nghỉ mát...

Khi CBCNV đến tuổi nghỉ hưu, nếu có thời gian công tác đủ 05 năm thì được hưởng 01 tháng lương thực tế. Sau đó, cứ đủ 01 năm công tác tăng thêm thì được hưởng 10% tháng lương (mức thưởng tối đa không quá 03 tháng lương/01 người).

### 8.2.6 Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, và thỏa ước lao động tập thể, thông qua hoạt động của Công đoàn, Ngân hàng cũng luôn quan tâm đến khuyến khích CBCNV tự rèn luyện chuyên môn cũng như chăm lo đời sống vật chất

và tinh thần của CBCNV, cụ thể:

- Vận động thanh niên tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, vì tính để đáp ứng đòi hỏi của công việc.
- Tổ chức các đợt tham gia dự thi tìm hiểu về những thành tựu trong công cuộc đổi mới của Đảng, tìm hiểu về kiến thức pháp luật tổ chức trong CBCNV, góp phần nâng cao trình độ nhận thức chính trị, kỹ năng nghề nghiệp.
- Tổ chức các cuộc thi nâng cao tay nghề của kiểm ngân viên, cán bộ tín dụng giỏi, cán bộ tin học giỏi... để đẩy mạnh phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo trong CBCNV.
- Công đoàn tham gia xây dựng thỏa ước lao động tập thể, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách quy định có liên quan đến CBCNV như: tiền lương, tiền thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, ngày phép năm, công tác phí, chế độ lưu trú, tiền cơm trưa...
- Trao tặng quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các cháu con CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với mức 600.000 đồng/cháu/năm.

## 9. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức

Ngân hàng tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Những năm gần đây, hệ thống ngân hàng đứng trước áp lực cơ cấu lại hoạt động và quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, do vậy yêu cầu tăng vốn, tăng năng lực tài chính là một áp lực rất lớn không chỉ đối với SAIGONBANK mà còn đối với tất cả hệ thống ngân hàng. SAIGONBANK lựa chọn việc dành lợi nhuận để bổ sung các quỹ ngân hàng. Bên cạnh đó, xu thế triển khai ngân hàng số (Digital Banking) và thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, rất nhiều ngân hàng đã và đang triển khai nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đầu tư phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa tiện ích, do vậy cần phải đầu tư vốn ban đầu rất lớn.

Việc phân phối lợi nhuận năm 2020 được thực hiện dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của SAIGONBANK sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

**Bảng 19 : Tình hình tỷ lệ cổ tức qua các năm**

	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự kiến 2020
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	-

(Nguồn: SAIGONBANK)

## 10. Tình hình tài chính

### 10.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán:

SAIGONBANK thiết lập các báo cáo tài chính hợp nhất bằng đồng Việt Nam (VND) theo Luật tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi và bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

**Những nguyên tắc chính:**

- Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con – Công ty TNHH Quản lý Nợ và khai thác tài sản.
- Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao.

**Chuyển đổi tiền tệ:**

- Tất cả nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ.
- Tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được hạch toán bằng VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi các tài sản và công nợ khác bằng ngoại tệ sang VNĐ được xử lý vào doanh số của các khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Dự phòng rủi ro tín dụng:**

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên tỷ lệ áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

**Bảng 20 : Tỷ lệ dự phòng theo từng loại nợ**

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 hàng năm trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo. Việc trích lập dự phòng tuân thủ theo quy định.

**Đầu tư vào chứng khoán:**

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn. Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh này. Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Là loại chứng khoán được giữ trong thời gian không ứng định trước. Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua. Chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc



cộng lãi dự thu trừ lãi chờ phân bổ. Giá trị phụ trội hoặc chiết khấu (nếu có) cũng được phản ánh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lãi được dự thu hoặc phân bổ theo phương pháp đường thẳng phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi/lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuận.

#### Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc cộng lãi dự thu trừ lãi chờ phân bổ. Giá trị phụ trội hoặc chiết khấu (nếu có) cũng được phản ánh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lãi được dự thu hoặc phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được xem xét đến khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá thị trường nhỏ hơn giá ghi sổ. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tài sản cố định**

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.
- Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa ra tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Một số quyền sử dụng đất lâu dài và nhà cửa, vật kiến trúc trên đó được Ngân hàng mua nhưng được phân loại toàn bộ vào tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính của nhà cửa vật kiến trúc đó. Thời gian khấu hao cho từng nhóm tài sản cố định như sau:

**Bảng 21 : Khấu hao tài sản cố định**

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
Tài sản cố định khác	04 - 06 năm

#### **Ghi nhận thu nhập và chi phí**

- Ngân hàng ghi nhận thu nhập từ lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi.
- Phí thu từ việc cung cấp các dịch vụ trong một thời gian nhất định được dự thu trong suốt thời gian đó. Phí này bao gồm phí quản lý quỹ đầu tư, phí quản lý, phí nhận ủy thác, hoa hồng và các phí liên quan đến cấp tín dụng, quản lý tài sản, phí quản lý danh mục và các chi phí phí quản lý cũng như phí tư vấn khác.

- Cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng được quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) từ cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

**Trích lập các quỹ**

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 do Chính phủ ban hành về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Theo đó, các Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận để lại để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

**Bảng 22: Trích lập các Quỹ**

Loại	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn Điều lệ	5% LNST	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% LNST	25% Vốn điều lệ
Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	Tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện trong năm.

**Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, người lao động**

Nghĩa vụ với Nhà nước:

**Bảng 23: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2019	Phát sinh trong kỳ 2019		Số dư tại 31/03/2020
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	984	7.812	7.499	2.334
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2	14	13	4
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	36.253	37.525	11.200	36.576
Các loại thuế khác	198	4.596	4.461	2.688
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.437</b>	<b>49.947</b>	<b>23.173</b>	<b>41.602</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất quý 1/2020 của SAIGONBANK)

Nghĩa vụ với người lao động:

Thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động số: 10/2012/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012.

**10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Quý 1/2020
<b>1. Quy mô vốn</b>				
- Vốn điều lệ	triệu đồng	3.080.000	3.080.000	3.080.000
- Tổng tài sản có	triệu đồng	20.373.555	22.812.835	20.308.333
<b>2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
- Nguồn vốn huy động	triệu đồng	16.634.608	18.887.351	16.338.197
- Dự nợ cho vay	triệu đồng	13.771.099	15.056.951	14.375.546
- Nợ quá hạn (nhóm 2 đến nhóm 4)	triệu đồng	264.209	291.041	382.506
- Nợ khó đòi (nhóm 5)	triệu đồng	218.247	217.884	215.604
- Hệ số sử dụng vốn				
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều	%	1,35%	4,70%	1,42%
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài	%	0,20%	0,67%	0,22%
<i>sản bình quân</i>				
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	0,00%	0,00%	0,00%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	1,11%	1,93%	2,66%
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,58%	1,45%	1,50%
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>				
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 01 tháng tiếp theo (theo VND)	%	51,98%	52,00%	51,86%
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn	%	23,64%	19,02%	18,43%
<b>4. Hệ số an toàn vốn (CAR)</b>		22,16%	18,39%	17,13%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2020)

## 11. Tài sản

### 11.1 Tài sản cố định hữu hình

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

**Bảng 25: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2019**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất (*)	1.035.751	294.295	741.456
2	Máy móc, thiết bị	71.517	66.486	5.031
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	55.654	49.501	6.153
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	42.375	30.828	11.547
5	Tài sản khác	12.638	10.828	1.810
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.217.935</b>	<b>451.938</b>	<b>765.997</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK)

(\*) Một số quyền sử dụng đất lâu dài và nhà cửa, vật kiến trúc trên đó được Ngân hàng mua nhưng được phân loại toàn bộ vào tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính của nhà cửa vật kiến trúc đó vì Ngân hàng chưa tìm được cơ sở chắc chắn để phân tích.

### 11.2 Tài sản cố định vô hình

**Bảng 26: Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2019**

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	461.718	38.946	422.772
2	Phần mềm kế toán	50.123	46.662	3.461
<b>Tổng cộng</b>		<b>511.841</b>	<b>85.608</b>	<b>426.233</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK)

### 11.3 Tài sản có khác

**Bảng 27: Tài sản có khác tại thời điểm 31/12/2019**

STT	Khoản mục	Giá trị (Triệu đồng)
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.042
2	Mua sắm tài sản cố định	4.122
3	Các khoản phải thu	55.525
4	Các khoản lãi, phí phải thu	206.806
5	Tài sản có khác	53.330
<b>Tổng cộng</b>		<b>330.825</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của SAIGONBANK)

## 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Căn cứ vào tình hình kinh tế hiện nay, SAIGONBANK đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm 2020 như sau:

**Bảng 27: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020 - 2021**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Năm 2021 (**)	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2019	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2020
Vốn điều lệ	3.080	3.080	0%	-	-
Doanh Thu (*)	1.796,94	1.858,23	3,41%	-	-
Lợi nhuận sau thuế	144,62	104	-28,09%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	8,05%	5,60%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	4,70%	3,38%	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Saigonbank)

### Ghi chú:

(\*) Cơ cấu doanh thu Thực hiện năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU		Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020
<b>I. TỔNG DOANH THU</b>		Triệu đồng	<b>1.796.941</b>	<b>1.858.233</b>
1.	Thu lãi cho vay	Triệu đồng	1.507.860	1.524.900
2.	Thu dịch vụ thanh toán	Triệu đồng	27.234	21.580
3.	Thu kinh doanh ngoại hối	Triệu đồng	11.905	14.000
4.	Thu đầu tư tài chính	Triệu đồng	33.171	15.000
5.	Thu góp vốn mua cổ phần	Triệu đồng	1.408	1.408
6.	Thu từ cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết	Triệu đồng	34.880	37.673
7.	Thu nhập từ xử lý nợ	Triệu đồng	76.223	170.000
8.	Thu nhập công ty con	Triệu đồng	22.626	5.000
9.	Thu khác	Triệu đồng	81.634	68.672

(\*\*) Công ty chưa có kế hoạch kinh doanh năm 2021

### ❖ Căn cứ và giải pháp để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

- Ngày 13/03/2020 Ngân hàng Nhà Nước ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN Quy định về việc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Thông tư này đã ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của Saigonbank trong năm 2020; Do đó, SAIGONBANK đã triển khai thực hiện các giải pháp đồng hành với khách hàng như giảm lãi suất, giảm phí dịch vụ, ... và dự kiến trích dự phòng cho các khoản nợ xấu có khả năng tăng do khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19, làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên mặc dù kế hoạch Doanh thu năm 2020 tăng nhẹ 61.292 triệu đồng tương ứng

3,41% nhưng lợi nhuận lại giảm mạnh 40,62 tỷ đồng tương ứng giảm 28,09% so với năm 2019.

- Tận dụng tối đa lợi thế của SAIGONBANK để tiếp cận, khai thác mạnh nguồn vốn giá rẻ thuộc thị phần tiềm năng của tổ chức doanh nghiệp đăng bộ thành phố và các doanh nghiệp trực thuộc chính quyền thành phố.
- Khai thác nguồn vốn huy động từ dân cư bằng hình thức truyền thống như các chương trình gửi tiết kiệm có lãi suất – quà tặng hấp dẫn.
- Tập trung phát triển khách hàng nhỏ và vừa, cá nhân vay mua – sửa chữa nhà và nhu cầu sinh hoạt tiêu dùng khác ...; tăng số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trả lương và doanh nghiệp sử dụng tài khoản SAIGONBANK làm tài khoản thanh toán chính; gia tăng tiền gửi ký quỹ thông qua bán sản phẩm bảo lãnh, LC. Đẩy mạnh dịch vụ thu hộ, chi hộ đối với khách hàng.
- Nâng cao năng lực thẩm định, tăng cường công tác kiểm tra trước, trong và sau khi vay nhằm hạn chế rủi ro phát sinh. Thường xuyên theo dõi sát tình hình sản xuất kinh doanh, việc sử dụng vốn vay của khách hàng nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời rủi ro. Đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hạn chế phát sinh nợ xấu mới.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát và giám sát từ xa nhằm phân tích, cảnh báo ngăn chặn rủi ro sớm.
- Tích cực rà soát, kiểm tra lại toàn bộ tài sản là bất động sản do ngân hàng đang quản lý và có biện pháp xử lý khai thác căn cơ, đạt hiệu quả (bán, cho thuê...) nhằm tăng thu nhập cho ngân hàng và góp phần sớm lành mạnh tình hình tài chính.
- Thực hiện biện pháp tích cực – mạnh mẽ - hiệu quả nhất nhằm xử lý cơ bản nợ xấu. Đồng thời kiểm soát nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ.
- Chủ động triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội.
- Nâng cấp chất lượng sản phẩm nhằm khai thác có hiệu quả dịch vụ bán lẻ cho khách hàng cá nhân; đồng thời khai thác mạnh dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu đối với khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các sản phẩm trọng tâm gồm: bảo lãnh, mở LC, sản phẩm tài trợ thương mại và các sản phẩm ngoại hối...
- Nghiên cứu triển khai các biện pháp linh hoạt liên quan đến: cơ chế phí, lãi suất cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng.
- Tiếp tục nâng cấp chất lượng các sản phẩm dịch vụ: Internet Banking, thuế điện tử, thanh toán quốc tế...
- Đầu tư hệ thống ATM, tăng cường phát triển thẻ trên cơ sở tăng cường liên kết với các đơn vị, mở rộng và khai thác chức năng thẻ thanh toán đối với khách hàng là doanh nghiệp, cá nhân.
- Xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng, quảng bá thương hiệu thông qua tài trợ an sinh xã hội, các chương trình đồng hành cùng địa phương nơi SAIGONBANK có trụ sở giao dịch.
- Thực hiện các biện pháp kiện toàn bộ máy nhân sự.

❖ Đánh giá chung về hoạt động ngân hàng 3 tháng đầu năm 2020:

- Trước diễn biến phức tạp, khó lường của dịch bệnh Covid-19, với sự chỉ đạo kịp thời, sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, hoạt động SAIGONBANK trong 3 tháng đầu năm 2020 ổn định, bảo đảm an toàn thanh khoản.



- Tiếp tục thực hiện triển khai cơ cấu lại nguồn vốn hoạt động theo hướng an toàn, bền vững và hiệu quả.
- Kịp thời triển khai đến từng đơn vị trong toàn hệ thống các chỉ đạo của NHNN và Chính phủ trong thực thi các chính sách tiền tệ và triển khai các nội dung về việc phòng, chống dịch Covid – 19.
- Hoạt động tín dụng được kiểm soát chặt về chất lượng, phù hợp với sự tăng trưởng nguồn vốn; Các đơn vị kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng do dịch Covid – 19 theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Quý 1/2020, Doanh thu đạt 587.305 triệu đồng tương ứng đạt 31,61% so với kế hoạch doanh thu năm 2020, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 43.866 triệu đồng đạt 42,18% so với kế hoạch Lợi nhuận năm 2020. Do đó, khả năng Saigonbank đạt kế hoạch kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông đặt ra hoàn toàn khả thi.

### 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Ngân hàng

Không có

### 14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

- Là ngân hàng bán lẻ, tập trung chủ yếu khai thác khách hàng cá nhân, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Tiếp tục lành mạnh hóa tình hình tài chính, tăng quy mô hoạt động trên cơ sở đảm bảo an toàn, xử lý thu hồi các khoản nợ xấu.
- Thúc đẩy tăng trưởng mạnh nguồn vốn huy động, cân đối với nhu cầu mở rộng tín dụng, bảo đảm hiệu quả và kết quả hoạt động kinh doanh.
- Từng bước phát triển sản phẩm, dịch vụ chuyển dần cơ cấu thu nhập từ hoạt động tín dụng sang phi tín dụng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập.

### 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng

Không có

## III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Danh sách và sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

#### 1.1 Danh sách Hội đồng Quản trị:

Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Vũ Quang Lâm	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Phương Khanh	Thành viên HĐQT
3	Ông Trần Thanh Giang	Thành viên HĐQT
4	Ông Trần Quốc Thanh	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Cao Trí	Thành viên HĐQT

6

Bà Phạm Thị Kim Lê

Thành viên HĐQT độc lập

**1.1.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Vũ Quang Lãm**

Họ và tên : Vũ Quang Lãm

Ngày tháng năm sinh : 05/09/1969 Giới tính: Nam

Nơi sinh : Thành Phố Hồ Chí Minh

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 022016907 cấp ngày: 22/08/2012 tại Công an TP.Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 124/12 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : 028.39143.183

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế, Cao cấp Lý luận Chính trị - Hành chính.

Quá trình công tác :

- Từ 09/1990 - 06/1992: Kế toán Công ty Phát triển nhà và dịch vụ nhà quận 1.
- Từ 06/1992 - 06/1994: Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế biến hàng Xuất khẩu Tân Thuận.
- Từ 06/1994 – 04/2013: Chuyên viên phòng Đầu tư sửa chữa, Phó trưởng phòng Ngân sách, Trưởng phòng Đầu tư sửa chữa - Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 04/2013 – 06/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 04/2017 – nay: Cán bộ đại diện quản lý vốn Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kinh doanh nhà Phú Nhuận.
- Từ 06/2017 - 06/2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc SAIGONBANK.
- Từ 06/2018 – nay: Cán bộ đại diện quản lý vốn của Văn phòng Thành ủy TP.Hồ Chí Minh.
- Từ 06/2018 – 10/2019: Thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị SAIGONBANK.
- Từ 10/2019 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị SAIGONBANK.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

Số Cổ phần nắm giữ : 107.259.576 cổ phần chiếm 34,825% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 107.259.576 cổ phần trong đó :
  - Văn Phòng Thành ủy: 56.009.576 cổ phần.
  - Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận: 51.250.000 cổ phần

- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### **1.1.2 Bà Trần Thị Phương Khanh - Thành viên HĐQT**

Họ và tên : Trần Thị Phương Khanh

Ngày tháng năm sinh : 21/09/1973 Giới tính: Nữ

Nơi sinh : Phường Hội Thương – Hội Phú, quận Lê Trung, tỉnh Pleiku

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 022651257 cấp ngày: 20/04/2010 tại Công an TP.Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 74/1/4 Trương Quốc Dung, phường 10, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Số điện thoại : 028.39143.183

Trình độ chuyên môn :

- Cử nhân Tài chính kế toán doanh nghiệp – Đại học Tài Chính Kế toán TP.HCM.
- Trung cấp Lý luận Chính trị.

Quá trình công tác :

- Từ 09/1995 - 02/1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Từ 03/1999 – 10/2016: Kế toán viên, Tổ trưởng tổ Tổng hợp, Phó phòng, Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 11/2016 – nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 2004 – nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Dầu khí Saigon Phú Yên.
- Từ 10/2019 – nay : Thành viên Hội đồng quản trị Saigonbank.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. Hồ Chí Minh.
- Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Dầu khí Saigon Phú Yên.

Số Cổ phần nắm giữ : 43.370.958 cổ phần chiếm 14,08% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.HCM: 43.370.958 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### 1.1.3 Ông Trần Thanh Giang - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Trần Thanh Giang

Ngày tháng năm sinh : 26/11/1971 Giới tính: Nam

Nơi sinh : Đồng Nai

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 075071000115 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 08/06/2017

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 4D, Đường số 6, Khu phố 4, phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 39143183

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật – Trường Đại học Luật TP.HCM.
- Thạc sĩ quản trị kinh doanh.
- Chứng chỉ tốt nghiệp – Đào tạo nghề Luật sư.

Quá trình công tác:

- Từ 09/1994 – 31/08/2019: Nhân viên, Phó Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.
- Từ 01/09/2019 - nay: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.
- Từ 10/2019 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số Cổ phần nắm giữ: 0,00 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **1.1.4 Ông Trần Quốc Thanh - Thành viên HĐQT**

Họ và tên : Trần Quốc Thanh

Ngày tháng năm sinh : 02/03/1976 Giới tính: Nam

Nơi sinh : xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 025761341 cấp ngày: 13/08/2013 tại Công an TP.Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 12-13 Tầng 12 Lô M1 chung cư số 1 Tôn Thất Thuyết, đường Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : 028.39143.183

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế.
- Cử nhân Luật – Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

- Từ 09/1998 – 12/2014: Nhân viên, Phó Trưởng phòng kinh doanh, Trưởng phòng kinh doanh chi nhánh, Trưởng phòng pháp chế Hội sở, Phó Giám đốc, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.
- Từ 01/2015 – 11/2016: Phó phòng giao dịch, Phó Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng TNHH INDOVINA.
- Từ 12/2016 – 31/08/2019: Phó Giám đốc chi nhánh, Phó Phòng Tín dụng Hội sở, Trưởng Phòng tín dụng Hội sở, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.
- Từ 01/09/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.
- Từ 10/2019 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số Cổ phần nắm giữ : 0,00 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần  
Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có  
Các khoản nợ đối với công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**1.1.5 Ông Nguyễn Cao Trí - Thành viên HĐQT**

Họ và tên : Nguyễn Cao Trí  
Ngày tháng năm sinh : 18/8/1970 Giới tính: Nam  
Nơi sinh : Thành phố Đà Lạt – Lâm Đồng  
Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 023327894 cấp ngày: 19/09/2012 tại Công an TP.HCM  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : 20/9 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Số điện thoại : 028.39143.183

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Tiến sĩ kinh doanh và quản lý.

Quá trình công tác:

- Từ 10/1995 - 07/2006: Trưởng phòng kinh doanh Trung tâm Thương mại Xuất nhập khẩu, Giám đốc đầu tư Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành.
- Từ 08/2006 - 09/2008: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Căn hộ Bến Thành AA.
- Từ 10/2008 - 4/2015: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành.
- Từ 05/2015 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Capella.
- Từ 10/2019 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị SAIGONBANK.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

STT	Tên doanh nghiệp	Chức vụ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Capella	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



2	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Công ty TNHH Capella Hospitality	Chủ tịch Hội đồng thành viên
4	Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
5	Công ty Cổ phần Salla	Chủ tịch Hội đồng quản trị
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâu Đài Ven Sông	Chủ tịch Hội đồng quản trị
7	Công ty Cổ phần Lothamilk	Chủ tịch Hội đồng quản trị
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội	Chủ tịch Hội đồng quản trị
9	Công ty TNHH US Talent International - UTI	Tổng Giám đốc

Số Cổ phần nắm giữ : 0,00 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**1.1.6 Bà Phạm Thị Kim Lệ - Thành viên độc lập HĐQT**

Họ và tên : Phạm Thị Kim Lệ

Ngày tháng năm sinh : 05/03/1955 Giới tính: Nữ

Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 020146340 cấp ngày: 12/12/2012 tại Công an TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 102A Trệt lô A Chung cư Chợ Quán, phường 1, quận 5, TP.HCM

Số điện thoại : 028.39143.183

Quá trình công tác:

- Từ 05/1975 – 12/1976: báo cáo viên Hội liên hiệp phụ nữ Quận 5 TP. Hồ Chí Minh.

- Từ 01/1977 – 12/1979: đi học tại trường trung học Tài chính TP. Hồ Chí Minh.

- Từ 12/1979 – 07/2001: Trưởng phòng tài chính, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Quận 5.
- Từ 07/2001 - 08/2010: Phó Giám đốc Sở tài chính TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 08/2010 – nay: Chủ tịch Hội Kế toán TP. HCM.
- Từ 10/2019 – nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Saigonbank.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân - Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- Thạc sĩ Kinh tế.
- Cử nhân chính trị - Học viện Cán bộ Thành phố.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội Kế toán TP. HCM.

Số Cổ phần nắm giữ: 0,00 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

## 1.2 Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Trần Thanh Giang	Tổng giám đốc
2	Ông Trần Quốc Thanh	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Võ Thị Nguyệt Minh	Phó Tổng giám đốc thường trực
4	Ông Phạm Hoàng Hồng Thịnh	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Nguyễn Ngọc Lũy	Phó Tổng giám đốc
6	Ông Nguyễn Tấn Phát	Phó Tổng giám đốc

### 1.2.1 Tổng Giám đốc: Ông Trần Thanh Giang

Như Mục 1.1.3

### 1.2.2 Ông Trần Quốc Thanh – Phó Tổng giám đốc

Như Mục 1.1.4

### 1.2.3 Bà Võ Thị Nguyệt Minh - Phó Tổng giám đốc thường trực

Họ và tên : Võ Thị Nguyệt Minh

Ngày tháng năm sinh : 27/03/1962 Giới tính: Nữ

Nơi sinh : Long An

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 024471501 cấp ngày 03/01/2006 tại Công an TP. Hồ Chí Minh.

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 392/8/95, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 39143183

Trình độ chuyên môn : Đại học Ngân hàng

Quá trình công tác :

- Từ tháng 4/1986 đến tháng 6/1989: Nhân viên Phòng Tín dụng, Ngân hàng Công thương Tỉnh Long An;
- Từ tháng 02/1990 đến tháng 3/2000 : Nhân viên Phòng Kế toán, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 4/2000 đến tháng 10/2004: Phó Phòng Kế toán, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 11/2004 đến tháng 8/2008: Quyền Trưởng Phòng Kế toán, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 9/2008 đến tháng 7/2013: Trưởng Phòng Kế toán giao dịch, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 8/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng Giám đốc thường trực

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số Cổ phần nắm giữ : 0,00 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phần của người có liên quan	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần (%)
1	Hồ Nhật Duy	Con	534	0,000173%

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### 1.2.4 Ông Phạm Hoàng Hồng Thịnh - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Phạm Hoàng Hồng Thịnh  
Ngày tháng năm sinh : 25/05/1969 Giới tính: Nam  
Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh  
Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 022497579 cấp ngày 27/03/2013 tại Công an TP. Hồ Chí Minh  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : 549/4/19 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Số điện thoại : (028) 39143183

Trình độ chuyên môn : Đại học Ngân hàng TP.HCM

Quá trình công tác :

- Từ tháng 11/1992 đến tháng 7/1997: Nhân viên Phòng Tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 8/1997 đến tháng 3/1998 : Tổ Trưởng Tổ Thẩm định thuộc Phòng Tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 4/1998 đến tháng 8/1998: Trưởng Phòng kinh doanh, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Cần Thơ;
- Từ tháng 9/1998 đến tháng 02/1999 : Tổ Trưởng Tổ Thẩm định thuộc Phòng Tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 3/1999 đến tháng 5/2003 : Phó Phòng kinh doanh, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Chợ Lớn;
- Từ tháng 6/2003 đến tháng 5/2006 : Trưởng Phòng kinh doanh, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Chợ Lớn;
- Từ tháng 6/2006 đến tháng 6/2006 : Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Huế;
- Từ tháng 7/2006 đến tháng 9/2006 : Trưởng Phòng kinh doanh, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Chợ Lớn;
- Từ tháng 10/2006 đến tháng 4/2009: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Đồng Nai;
- Từ tháng 5/2009 đến tháng 3/2013: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Tân Định;
- Từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2017 : Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Bình Chánh;

- Từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2019: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Đồng Nai;
- Từ tháng 9/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Đồng Nai.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số Cổ phần nắm giữ : 106.795 cổ phần chiếm 0,035% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 106.795 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phần của người có liên quan	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần (%)
1	Vũ Thị Anh Thư	Chị dâu	2.098	0,0007%

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### 1.2.5 Ông Nguyễn Ngọc Lũy - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Ngọc Lũy

Ngày tháng năm sinh : 09/06/1955 Giới tính: Nam

Nơi sinh : Long An

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 020588697 cấp ngày 18/01/2013 tại Công an TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 20 Lê Công Kiều, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Số điện thoại : (028) 39143183

Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Đại học Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác :

- Từ tháng 4/1983 đến tháng 7/1987 : Nhân viên Tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Quận I;
- Từ tháng 8/1987 đến tháng 5/1989: Phó Phòng Tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;

- Từ tháng 6/1989 đến tháng 10/1990: Trưởng Phòng Tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 11/1990 đến tháng 3/1993: Cán bộ Phòng Tín dụng, Phòng Kinh doanh đối ngoại, Phòng Kế hoạch Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 4/1993 đến tháng 6/1994: Phó Phòng Kế hoạch, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 7/1994 đến tháng 11/2003: Trưởng Phòng Kế hoạch, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 12/2003 đến tháng 6/2010: Giám đốc, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Thái Bình;
- Từ tháng 7/2010 đến tháng 8/2010: Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Từ tháng 9/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương Chi nhánh Thái Bình.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 247.540 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 247.540 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### 1.2.6 Ông Nguyễn Tấn Phát - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Tấn Phát

Ngày tháng năm sinh : 15/05/1976 Giới tính: Nam

Nơi sinh : TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 024879365 cấp ngày /01/2013 tại Công an TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 443/71H1 Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 39143183



Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân tin học – Đại học khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Chứng chỉ (C) tiếng Anh – Đại học Sư phạm TP. HCM.
- Chứng chỉ CCIE Written của hãng Cisco.
- Chứng chỉ CEH của hãng EC Council.
- Kỹ sư An toàn thông tin – Học viện kỹ thuật mật mã
- Cao cấp lý luận chính trị.

Quá trình công tác:

- Từ 07/2000 – 11/2004: Chuyên viên Trung tâm Công nghệ Thông tin – Văn phòng Trung ương Đảng.
- Từ 12/2004 – 04/2006: Chuyên viên Vụ địa phương II – Văn phòng Trung ương Đảng.
- Từ 05/2006 – 04/2012: Chuyên viên Phòng Cơ yếu – Công nghệ thông tin – Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 05/2012 - 08/2017: Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin Văn phòng Thành ủy
- Từ 09/2017 – 12/2019: Phó Trưởng phòng Cơ yếu – Công nghệ thông tin Văn phòng Thành ủy
- Từ 12/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc SAIGONBANK.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số Cổ phần nắm giữ: 0,00 cổ phần chiếm 0,00% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0,00 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0,00 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### 1.3 Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Đặng Thị Kiều Phước	Trưởng BKS
2	Bà Vũ Quỳnh Mai	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Đào Phương Linh	Thành viên BKS

#### 1.3.1 Bà Đặng Thị Kiều Phước – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : Đặng Thị Kiều Phước  
Ngày tháng năm sinh : 12/07/1963 Giới tính: Nữ  
Nơi sinh : xã Tây Bình, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định  
Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 052163000076 cấp ngày 18/04/2017 tại Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và Dữ liệu quốc gia về dân cư.  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : 201/60/17 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM  
Số điện thoại : (028) 39143183

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân - Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM.
- Cao cấp Lý luận Chính trị - Hành chính.

Quá trình công tác:

- Từ 03/1988 – 12/1990: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Viettronics Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 03/1993 – 08/2018: Nhân viên kế toán, Phó trưởng phòng Kế toán - Tài vụ, Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn, Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kế toán – Tài vụ, kiêm quyền Kế toán trưởng, Phó bí thư Chi bộ 10, Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ, Kế toán trưởng Báo Sài Gòn Giải Phóng, Trưởng ban quản lý và khai thác tòa nhà Sài Gòn giải phóng.
- Từ 08/2018 – nay: nghỉ hưu
- Từ 10/2019 - nay: Trưởng Ban kiểm soát SAIGONBANK.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số Cổ phần nắm giữ : 10 cổ phần chiếm 0,000003% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 10 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): không

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### ***1.3.2 Bà Vũ Quỳnh Mai - Thành viên Ban kiểm soát***

Họ và tên : Vũ Quỳnh Mai  
Ngày tháng năm sinh : 29/11/1971 Giới tính: Nữ

Nơi sinh : thành phố Hồ Chí Minh  
Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 022102166 cấp ngày 17/4/2012 tại Công an TP.HCM  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Địa chỉ thường trú : 193/88 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, TP.HCM  
Số điện thoại : 028.39143183

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chứng chỉ (A) tiếng Anh – Đại học Sư phạm.
- Chứng chỉ khóa bồi dưỡng Kế toán trưởng – Học viện tài chính.

Quá trình công tác:

- Từ 08/1991 - 08/1996: Nhân viên tổ kế hoạch, vật tư Xí nghiệp chất dẻo 5.
- Từ 08/1999 - 08/2007: Kế toán thu, chi và báo cáo thống kê Công ty TNHH TM Toàn Sáng.
- Từ 04/2008 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát SAIGONBANK.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số Cổ phần nắm giữ : 15.531 cổ phần chiếm 0,005042% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 15.531 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phần của người có liên quan	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần (%)
1	Vũ Thụy Mai	Em ruột	8.980	0,003%

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### 1.3.3 Bà Nguyễn Đào Phương Linh - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Đào Phương Linh  
Ngày tháng năm sinh : 02/01/1987 Giới tính: Nữ  
Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh  
Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 079187010162 cấp ngày 09/01/2018 tại Cục Cảnh sát đăng ký quản

Lý cư trú và Dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : A708 C/c Hòa Bình Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : (028) 39143183

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân - Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.
- Chứng chỉ (B) tiếng Anh – Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Chứng chỉ (B) vi tính – Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh.
- Chứng chỉ Khóa chuyên viên ngân hàng – Đại học Kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 03/2010 – 04/2013: Nhân viên Kiểm toán nội bộ SAIGONBANK.
- Từ 04/2013 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát SAIGONBANK.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không.

Số Cổ phần nắm giữ : 176 cổ phần chiếm 0,0001% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 176 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): không.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **1.4 Kế toán trưởng**

Họ và tên : ĐỖ THỊ LOAN ANH

Ngày tháng năm sinh : 29/09/1966 Giới tính: Nữ

Nơi sinh : Quảng Nam

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 023699041 cấp ngày 12/05/2015 tại Công an TP.HCM.

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 99C/19 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM

Số điện thoại : 02839143183

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Ngân hàng TP.HCM

Quá trình công tác :

- Từ tháng 8/1998 đến tháng 8/2005: Trưởng Phòng Kế toán KS Riverside trực thuộc Công ty Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương;
- Từ 9/2005 đến tháng 4/2008: Trưởng Phòng Kế toán, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương CN Tân Định;
- Từ tháng 5/2008 đến tháng 3/2013: Phó Giám đốc, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương CN Tân Định;
- Từ tháng 4/2013 đến tháng 7/2013: Quyền Giám đốc, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương CN Tân Định;
- Từ tháng 8/2013 đến nay: Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

Số Cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Số Cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0,00 cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### **1.5 Kế hoạch tăng cường quản trị SAIGONBANK.**

- Hiện nay Trưởng ban kiểm soát của Saigonbank chưa đáp ứng được quy định tại Khoản 4 Điều 20 của Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 06/06/2017 “4. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty”. Saigonbank cam kết Bà Đặng Thị Kiều Phước – Trưởng Ban kiểm soát của Saigonbank sẽ đáp ứng đủ điều kiện này trong thời gian sắp tới.
- Tuân thủ nghiêm túc quy định của Luật tổ chức tín dụng cũng như quy định của NHNN.
- Kiện toàn bộ máy và hoàn thiện định hướng pháp triển của Ngân hàng 05 năm tới.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, hướng dẫn quản lý nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động và đáp ứng yêu cầu của luật định.
- Chỉ đạo và tăng cường kiểm tra, kiểm soát đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT, các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ được thực thi trong toàn hệ thống.
- Nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành an

toàn, bổ sung việc ứng dụng công nghệ mới vào việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

- Quyết liệt đổi mới các giải pháp chỉ đạo, điều hành kinh doanh, tập trung tăng trưởng quy mô an toàn và hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.
- Nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro trên cơ sở triển khai nghiêm túc về tỷ lệ an toàn vốn (theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và hệ thống kiểm soát nội bộ của SAIGONBANK (theo Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 05 năm 2018) được cập nhật theo tiêu chuẩn Basel II.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng. Đề cao văn hóa tuân thủ, đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật kinh doanh; chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc, bảo mật thông tin theo quy định.
- Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong mọi mặt hoạt động, chủ động đón đầu xu thế công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào hoạt động của SAIGONBANK.
- Tiếp tục kiện toàn năng lực quản trị rủi ro trên các mảng rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro hoạt động.
- Tăng cường xây dựng văn hóa học tập và tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao các kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn.
- Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động truyền thông, cải thiện hiệu quả hoạt động quảng cáo thương hiệu, triển khai các hoạt động văn hóa - an sinh - xã hội.



#### **IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN**

##### **1. Tổ chức kiểm toán hàng năm:**

###### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3.8.329.129 Fax: : (028) 3.8.342.957

##### **2. Tổ chức tư vấn**

###### **CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP.HCM

Điện thoại : (028) 38336 333 Fax: (028) 38 333 891

Website : [www.dag.vn](http://www.dag.vn)

## V. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục III Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2019;
3. Phụ lục V Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý I/2020.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020 *Quang*

**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *Quang*



**VŨ QUANG LÂM**

**CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**



**TỔNG GIÁM ĐỐC** *Quang*

**Dương Thế Quang**